

CÔNG LÝ VÕ TRỤ

(Phụ giải các bài Chơn lý số 10, số 30, và số 36.)

KS. Minh Bình

Công lý võ trụ nghĩa là lẽ công bằng của vũ trụ. Bởi ngài Minh Đăng Quang là người Nam Việt nên hay dùng từ “võ trụ” trong sách của mình. Chỗ công bằng đó, nơi sự việc là “Võ trụ mênh mông mà như tuồng sắp đặt.”, nơi lý lẽ là “tự nhiên vắng lặng bằng phẳng mát mẻ”. Mà, “Sự cảnh cũng có nhưng là giả, còn lý nghĩa mới là thiệt.”.

Chơn lý số 10 – *Công Lý Võ Trụ* được viết vào nửa đầu năm 1952, Sư trưởng Minh Đăng Quang đã chỉ ra công lý vũ trụ. Nhà Phật từ xưa đã dạy nhiều về nhân quả báo ứng. Do dạy rõ nhân quả nên nhà Phật truyền đến đâu cũng cảm hóa được mọi người, vốn thường thiên cận chứ không biết trước sau gì. Nhưng khi nhân loại đã tiến bộ nhiều, dân trí đã nâng cao, thì Sư trưởng Minh Đăng Quang chỉ ra chơn lý để dẫn đường mở lối. CHƠN LÝ CỦA NHÂN QUẢ LÀ CÔNG LÝ.

Đầu tiên, hãy xem ba bài *Công Lý Võ Trụ*, *Giác Ngộ*, *Sợ Tội Lỗi* của Sư trưởng Minh Đăng Quang, rồi sẽ đọc bài này như một bài phụ giải. Để sáng tỏ đề tài, phần một bài này sẽ viết về nhân quả báo ứng, một giáo lý căn bản đã được nhà Phật dạy từ lâu, qua phần hai mới viết đến công lý vũ trụ.

Bài này được viết, trước là để phân tích Giáo pháp Khất sĩ, mà sau cũng để chỉ ra cuộc sống rộng lớn xưa nay, không đơn giản là biển khổ hay là cát bụi như một số người nghĩ. Tuy vẫn lấy tên bài là *Công Lý Võ Trụ* nhưng sẽ không trùng tên với bài của ngài Minh Đăng Quang, bởi bài của ngài là Chơn lý số 10 – *Công Lý Võ Trụ*, còn đây lại là Chánh luận *Công Lý Võ Trụ*.

A. NHÂN QUẢ BÁO ỨNG:

Phần A này tương đối dài, gồm có năm mục lớn:

I. Luận chung về Nhân quả báo ứng

II. Luận về Nhân:

1. Tâm người ta
2. Tâm chơn, tâm thật

III. Bàn về Quả:

1. Bàn chung về quả báo
2. Ba cõi
3. Sáu đường
4. Sống làm người

IV. Đặc điểm nhân quả Phật dạy:

1. Nhân quả chính là cuộc sống tương đối của muôn loài vạn vật

2. Nhân quả kéo dài qua nhiều đời sống bất tận

3. Nhân quả thiện ác cần nên vượt qua

V. Nhận thức về Nhân quả

I. LUẬN CHUNG VỀ NHÂN QUẢ BÁO ỨNG:

Trên đời này, hiển nhiên là mọi việc đều nằm trong dây chuyền nguyên nhân – kết quả. Hễ nhân thiện thì quả phước, nhân ác thì quả khổ, báo ứng không bao giờ sai. Nhân trong sạch không thiện ác thì quả cân bằng tự nhiên. Đức Phật Thích-ca đã dạy:

“Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Khi ta nói hay làm, cùng với ý ô nhiễm, khổ đau sẽ theo ta, cũng như bánh xe lăn theo sau chân vật kéo.

Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Khi ta nói hay làm, cùng với ý trong sạch, hạnh phúc sẽ theo ta, cũng như bóng theo hình.”

(Kinh Pháp Cú, Pháp cú số 1 và 2.)

Từ xưa đức Phật đã dạy rõ tâm là chánh nhân, tâm tạo ra tất cả. Tức là ĐẠO ĐỨC LÀ CHÍNH, chứ không phải khoa học kỹ thuật, tài năng, chỉ số thông minh, gien tốt, điều kiện vật chất, các mối quan hệ, cơ hội tốt, trình độ, mưu mẹo khôn ngoan... là chính. Vì lời dạy này quan trọng nên từ hơn 2000 năm trước đã được các nhà sư biên tập thành hai câu đầu tiên của *Kinh Pháp Cú*. *(Vào thời đức Phật Thích-ca tại thế chưa có kinh này.)*

Hai lời dạy trên của đức Phật Thích-ca lần lượt nói về tâm ác và tâm thiện, cùng hậu quả tất yếu của chúng là khổ đau và hạnh phúc. Vậy còn tâm không thiện không ác thì sao? *Kinh Pháp Cú* đã không thuyết minh trường hợp này. Nhưng theo cách nói của hai pháp cú số 1 và 2, lần này ta sẽ thuyết minh pháp cú số 0:

“Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Khi ta nói hay làm, cùng với ý không ác không thiện, thì quả báo của nó là cân bằng tự nhiên.” *(Từ đây, Kinh Pháp Cú có 424 câu.)*

Nhưng con người có thể không ác không thiện được sao? Con người vốn là chuyên gia sinh sự, là trùm rắc rối, là chúa tạo nghiệp, có khi nào lại không ác không thiện! Chính ngày nay nhiều người trí đã nhận ra rằng loài người đã phá mất sự cân bằng tự nhiên. – Câu hỏi nghiêm túc này sẽ được giải đáp: Các bậc cổ đức đều dạy rằng cái tâm thật vốn không ác không thiện, hễ khôi phục được tâm đó thì tìm thiện – ác lại là khó. Người ta sẽ được vậy khi:

Ý kia đã dứt nghĩ suy

Bao nhiêu cái thức chung quy chẳng còn!

Ý thức là gốc của mọi tạo gây, là gốc của sự tái sinh bất tận, là khởi điểm của thiện và ác, là nguồn của tranh đua, là ý chí sinh tồn mạnh mẽ... Phật pháp

dạy như thế, mà nhân loại lại ca ngợi ý thức, đánh bóng cái tôi, cố tạo một phong cách hay một đẳng cấp, không ngừng tìm một trải nghiệm gì đó v.v... Môn Duy thức học của nhà Phật đã dạy rằng: Ý thức có công đứng đầu và có tội đứng nhất (*Công vi thủ, tội vi khôi.*). Học điều này phải lưu ý tiếp đến chỗ siêu công – tội, là chơn phước cực đại, ổn thỏa mọi lúc, Niết-bàn.

Lãng xãng nhân quả thiện ác cho khổ mệt để làm chi? Sự bằng phẳng yên lặng không thiện ác như chư Phật chẳng là hạnh phúc quý báu hơn hết sao? Hễ giết hại sẽ được giết hại, dâm dục sẽ là thú vật, sân giận là lửa đốt, thương yêu là nạn nước (*thủy tai*), trộm cắp là nghèo túng, hại người bị người hại, lừa gạt gặp lừa gạt, trâu tìm trâu ngựa tìm ngựa (*ngưu tầm ngưu mã tầm mã*), nói dối người không tin, kém đức khó phục chúng, ham ăn thích ngủ là heo, bố thí được giàu sang, phóng sinh được trường thọ, làm phước tất được phước, tạo tội ắt bị khổ, nặng tình bị đọa, nặng tướng được thăng lên, hướng ngoại tìm cầu là từ sai đến sai, hướng nội là gương ép v.v... Mọi tạo gây của thân miệng ý đều đưa đến một kết quả thiện ác nào đó. Còn thân miệng ý không tạo gây gì hết sẽ đưa đến kết quả là Niết-bàn cực lạc, thần thông quả linh, thành bậc chí tôn, mà người đời không sao ngờ được!

Nhân quả trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai nối nhau thành hai lớp: một là nhân quá khứ quả hiện tại, hai là nhân hiện tại quả vị lai. Nhìn chung, với người trung bình nhà Phật dạy chú trọng hiện tại, dùng các pháp sám hối và tu sửa để chuyển hóa những quả xấu, đồng thời tạo những nhân tốt mà hưởng lấy quả lành. Còn sâu xa hơn, với người trí nhà Phật dạy giác ngộ nhân quả, bước ra khỏi phạm vi không chế của nó, hưởng Niết-bàn hữu dư ngay hiện tại.

Như, y học thế gian chữa bệnh nơi ngọn, hễ đau chỗ nào chữa chỗ đó. Do không chữa dứt được nọc bệnh nên chữa xong chỗ này thì bệnh lại nẩy chỗ khác. Còn Phật pháp chữa bệnh cả nơi gốc, là vẫn chữa bệnh và trị luôn nọc bệnh, do đó chữa dứt được bệnh. Nọc các thứ bệnh tật của chúng sanh là ác nghiệp, do ác nghiệp nên lãnh ác báo, trong hình thức này hay hình thức khác. Nói sâu hơn, mọi độc hại ở đời đều xuất phát từ ba cái ý tham sân si; do ác ý nên tạo ác nghiệp, do ác nghiệp nên hay lãnh quả báo khổ đau.

Như, người ta thường bảo nhau hãy siêng năng lao động để có của cải sử dụng. Người ta nói đúng, nhưng không đúng với mọi trường hợp. Lao động là tạo ra một dòng nhân quả hiện tại, nếu nhân đó mạnh hơn thì nó thành quả trước các dòng nhân quả đã tạo trong quá khứ. Nếu một dòng nhân quả đã tạo trong quá khứ mạnh hơn thì nó sẽ thành quả trước.

Điều này người xưa cũng có quan sát, thấy những sự lao động như nhau lại có những kết quả khác nhau, do đó họ kết luận là “số phận”. Nhưng nhà Phật chỉ rõ đó là nhân quả, tự mình tạo ra, gọi là số phận thì không chính xác.

Xưa ở Trung Quốc có đại sư Trí Khải (538 – 597), một vị cao Tăng đã sáng lập ra Phật giáo Thiên Thai tông. Ngài có người anh là tướng quân Trần Chân. Năm 40 tuổi Trần Chân ra đường tình cờ gặp ông tiên Trương Quả Lão, một trong tám vị tiên nổi tiếng đương thời. Trương Quả Lão nhìn Trần Chân rồi bảo: “Tướng ông chỉ còn sống trong một tháng, nên về lo hậu sự.” Trần

Châm sợ hãi xin tiên ông cứu giúp, nhưng Trương Quả Lão nói ông không cứu được Trần Châm. Bấy giờ Trần Châm đến chùa kể với em, và hỏi em nhà Phật có cách nào cứu người đã tới số không? Đại sư Trí Khải đáp là có thể được, nhưng phải làm đúng lời, không được biếng nhác. Trần Châm xin vâng lời, đại sư mới bảo anh mỗi ngày hãy tọa thiền ba lần, mỗi lần một nén nhang, tu phép đếm hơi thở. Trước cái chết sắp đến, Trần Châm đã cố gắng tọa thiền đếm hơi thở đúng như lời đại sư Trí Khải dạy. Một năm sau Trần Châm ra đường, tình cờ tiên ông Trương Quả Lão gặp lại, ông kinh ngạc hỏi sao đến bây giờ còn sống, có phải uống thuốc trường sinh không? Trần Châm kể lại mọi chuyện. Tiên Trương Quả Lão nghe vậy khen pháp Phật thật màu nhiệm, chỉ một cách đơn giản cũng cải tử hoàn sinh được.

Nhân quả là sự vận hành đắp đổi tương đối của cuộc sống, nên được chỉ ra như một giáo lý tương đối. Nơi tương đối người trí hãy giác ngộ tuyệt đối. Chính khi dạy nhân quả đức Phật đã bảo: “Hạnh phúc sẽ theo ta cũng như bóng theo hình.”. Tại sao ngài lại ví nhân – quả là hình – bóng, trong khi có nhiều cách so sánh khác? Và tại sao các quả báo lại chỉ như cái bóng? Nếu chú ý điều này thì ta sẽ hiểu: Nhân quả tuy có mà lại ảo, nó ảo là so với cái thật. Vũ trụ vạn vật bao la vô cùng phong phú mà chỉ có một cái thật, nếu hai thì chẳng phải, *Kinh Pháp Hoa* đã dạy điều đó. Ta hãy nhìn Nhân quả như Chánh pháp.

Khi đó, câu nói được nhiều Phật tử Việt Nam nhắc đến theo lời hòa thượng Tịnh Không hay nói: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.”, xét ra không đúng. Chúng sanh bỏ hình bắt bóng, bỏ chơn tâm bắt thiện ác vui khổ lẫn xằng trong ba cõi sáu đường từ đời này sang kiếp khác, còn Bồ-tát thì chẳng vậy. Bồ-tát là bậc đại giác, tất biết chơn tâm là nhân của vũ trụ vạn vật bao la vô cùng phong phú, thì đâu có sợ gì! Các ngài đã giác ngộ chánh nhân thì làm chủ được hết các pháp, nên đi trong ba cõi sáu đường không ngại. Kẻ biết sợ nhân ác là người có hiểu biết, chứ chưa phải là Bồ-tát gì. Câu nói trên không đúng chỗ đó, đã vô tình lạm dụng từ “Bồ-tát”.

Nếu câu nói “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” được sửa thành: “Người trí sợ tội lỗi, kẻ dại chỉ sợ khi bị quả báo.”, thì sẽ đúng hơn. Bài *Giác Ngộ* đã nêu lên điều đó: Ta chỉ nên sợ tội lỗi của mình là hơn, đừng sợ ông quan tòa nào. Biết úy kỵ, biết kiêng sợ tội lỗi là đặc điểm của bậc thiện. Người thiện không để thân miệng ý luông tuồng tùy tiện, đơn giản vậy. Đừng sợ một ai đó, như bài *Sợ Tội Lỗi* đã chỉ ra: “Nên thay cho câu nói: “Sợ ông Phật, sợ ông Trời, sợ ông Người.”, bằng câu nói: “Kính trọng cái Phật giác chơn, kính trọng cái Trời thánh thiện, và kính trọng cái Người nhơn ái!”. Còn sợ thì nên phải sợ cái ác...”

Tóm lại, tương đối hay tuyệt đối chỉ là một cái thấy. Nhân quả là tương đối, Công lý vũ trụ là tuyệt đối. Thấy tương đối thì cần phải thấy tuyệt đối. Dầu vậy, dù ai thấy hay không thấy thì hiển nhiên là vũ trụ vạn vật chúng sanh vẫn vận hành. Nhưng ta giác ngộ thì ta biết cách sống, ta được an ổn mọi lúc, và nhất là ta được làm chủ. Vậy nên hãy nhớ: Đạo đức của ta là nhân, còn mọi thứ ta nhận được là quả. Mà trong các quả, thì thân là quả chính, còn dòng họ, vợ

con, sự nghiệp, của cải, sắc đẹp, sức khỏe, trí khôn v.v... là các quả phụ. Thân là chánh báo, mọi thứ khác là y báo.

II. LUẬN VỀ NHÂN:

1. Tâm người ta:

Luận về Nhân là bàn về Tâm. Tâm của con người, cái tâm họ đang sống, thật tương đối. Tâm đó có ba phần, gồm cả ba phần mới đủ là tâm. Tâm của con người là ba nghiệp thân, miệng, ý. Thân hay làm, miệng hay nói, ý hay tưởng. Vậy nơi ba nghiệp làm – nói – tưởng sẽ thấy được tâm của một người.

Như có người mỗi khi đến tịnh xá thường nói: “Su có việc gì cứ nói nghe, tôi sẽ phụ sự một tay, kiếm phước.” Nhưng mấy lần tịnh xá có việc, nhà sư báo cho biết thì người ấy đều có lý do bận này bận kia... Người ấy có ý muốn kiếm phước, nói ra vẻ tử tế, đến khi làm thì trót quớt, nên kết luận là người ấy tâm chưa tốt, không đáng tin, chưa thể làm bạn.

Xem phim tâm lý xã hội chiếu trên ti-vi cũng thấy: Có chàng trai cầu hôn một cô gái, hứa sẽ yêu thương cô trọn đời. Họ cưới nhau một thời gian thì người thứ ba xuất hiện. Chàng ta đổi lòng, kiếm chuyện với vợ để có cơ ra đi, và cũng ray rứt, cũng khóc kể, cũng lằng nhằng nhiều rồi mới đi... Qua những ý muốn, lời nói và hành động đó thấy ra được tâm của chàng ta chưa ổn, không chung thủy bền vững, chẳng tốt.

Có chú thợ hồ vào tịnh xá kiếm việc làm, tịnh xá nhận cho làm. Chú thợ đã làm siêng năng (*thân*), đến giờ nghỉ các sư phải nhắc thì chú nói để làm thêm kiếm phước (*miệng*), nhưng tối hôm sau chú dẫn vợ qua tịnh xá xin gặp sư trụ trì, cả hai muốn sư cho mượn trước mấy chục triệu để đủ tiền mua đất cất nhà, chứ ở trọ hoài khổ lắm (*ý*)... Qua ba phần thấy ra tâm tính toán của chú thợ hồ, làm ở chùa mà lòng không trong sáng. Tuy vậy chú vẫn cho rằng mình là người tốt vì có lừa gạt ai đâu. Đến khi sư trụ trì nói đùa là chú này không giống ai thì chú đã hiểu ra, thôi không mượn tiền của chùa nữa.

Có nhiều người thường dạy con phải làm người tốt (*miệng*), nhưng họ không làm gương (*thân*), lại có ý bào chữa là người lớn khác trẻ con, đâu thể lúc nào cũng nghiêm túc (*ý*). Dần dần các con họ cũng nói một đàng làm một nẻo, rồi cả nhà cũng huề nhau, và lúc nào cũng bảo phải làm người tốt. Thế thì tâm của mấy người ấy đều chưa tốt, vì trước mắt là chưa hại ai nên cũng chẳng ai nói gì. Tóm lại là cả xóm làng vui vẻ với nhau, trong cõi sống (*pháp giới*) của họ.

Tương tự, có mấy sư thường dạy đệ tử phải cố gắng tu (*miệng*), nhưng họ không làm gương (*thân*), lại có ý bào chữa là trụ trì bận rộn nhiều việc, khác với mấy sa-di, tỳ-kheo trong chúng. Dần dần chư Tăng ở đó cũng hay nói mà không làm, rồi cả tịnh xá cũng huề nhau, và lúc nào cũng thường bảo phải cố gắng tu. Dù sao thì cũng phải nương nhau mà sống, thôi kể gì nữa bây giờ, thầy nhin một chút và trò nhin một chút cho tịnh xá ra vẻ! Thế thì cuối cùng vô chùa để tu hay để kiếm sống?

Đại khái người ở đời thường như vậy. Nay Sư trưởng Minh Đăng Quang dạy cái tâm con người có ba phần, đủ cả ba mới là tâm, khiến chúng ta hiểu được tâm người là gì. Lâu nay **ai cũng cho rằng tâm là cái ý muốn, tâm là cái hay suy nghĩ**. Người đời nghĩ sai đã đành, chính các sư cũng quan niệm vậy, nên đã dịch pháp cú số 1 và 2 là “**nếu** với **tâm** ô nhiễm... **nếu** với **tâm** trong sạch...”. Do đó bài viết này đã đính chính lại hai chữ, thành “**cùng** với **ý** ô nhiễm... **cùng** với **ý** trong sạch...”. Thật không ngờ rất nhiều người còn chẳng biết được tâm mình. Tâm tương đối của mình còn chẳng biết, nói gì đến tâm chơn, tâm thật!

Chính Descartes (*Đề-các*, 1596 – 1650), người được xem là cha đẻ của Triết học Tây phương hiện đại, đã cho rằng: “Tôi suy nghĩ tức là tôi tồn tại.”, (*Je pense, donc je suis.*). Triết gia Đề-các của Pháp còn chỉ thấy một phần, nói chi ai! Các vị ấy quá xem trọng trí thông minh, mà xã hội phương Tây đã chứng kiến biết bao tội ác của trí thông minh. Tuy vậy họ vẫn chưa biết đề cao đạo đức Ba nghiệp thiện, lại không ngừng lập ra nào là thành phố thông minh, điện thoại thông minh, xe con thông minh, máy bay thông minh, bột giặt thông minh, và đủ thứ trí thông minh nhân tạo nữa.

Tâm tương đối của con người là ba nghiệp thân – miệng – ý. Qua ba nghiệp xét thấy được tâm thiện hay ác, hay là lẫn lộn cả hai, hay là không thiện không ác. Chính tâm thiện đem đến quả tốt đẹp, còn tâm ác đem đến quả khổ đau, và vừa ác vừa thiện thì gặt cả hai quả tốt xấu, sướng khổ lẫn lộn. Ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, và sáu nẻo luân hồi địa ngục, quỷ đói, súc sanh, thần, người, trời, đều do nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm nên. Trong đó lại có vô số sai khác ở mỗi nơi, mỗi lúc.

Chơn lý 21 – Tâm, Sư trưởng Minh Đăng Quang đã viết:

“Vậy nên muốn biết tâm của kẻ khác ở tại đâu, ra sao, thì ta hãy xem nơi sự nói, làm, tưởng của họ. Nếu bỏ nói làm tưởng ra là tâm không có.

Muốn thành tựu cái tâm, hột giống, thì cần phải có đủ cả thân khẩu ý, nếu thiếu một cái cũng chưa gọi là tâm, hột giống được, hay như hột giống còn lỗ dở chưa tròn. Một người kia nói ác, hoặc ý tưởng ác, mà không làm như thế, cũng như hột giống lỗ dở chưa thành tựu.

Vậy cho nên:

- Hột giống thú là thân, khẩu, ý ác.
- Hột giống người là thân, khẩu, ý nhơn.
- Hột giống trời là thân, khẩu, ý thiện.
- Hột giống Phật là thân, khẩu, ý chơn.”

Thay vì nói tâm e người hiểu lầm là ý, đoạn trên đã viết “hột giống” để chỉ tâm. Hột giống non là tâm tương đối, sẽ có quả tương đối, chưa tốt. Hột giống già là tâm tuyệt đối, thì quả của nó là cân bằng tự nhiên, linh thiêng màu nhiệm, vô lượng công đức, vạn phúc tròn đầy, khỏe khoắn vô cùng.

Trong bộ *Chơn Lý* có nhiều chỗ nói về thân khẩu ý. Ví dụ:

Chơn lý số 4 viết: “Càng tiếp XÚC vật chất, càng sanh THỌ chịu, lấy tham sân si làm của cải, gọi thân khẩu ý là ta, nên luyện AI không rời.”.

Chơn lý số 5 viết: “Thân khẩu ý đều định gọi là tâm định.”.

Chơn lý số 17 viết: “Chớ nên cố gắng quá hoặc lãng xao, phải nhớ giữ một đề mục mãi dầu trong lúc động tịnh đều không cho xao lãng, lâu ngày sẽ quen dần từ ít tới nhiều, từ mau tới lâu. Cho đến khi ta đã được chủ tâm, thân khẩu ý đã quy phục tùy theo mạng lệnh, chừng đó mới gọi là có ta và thấy lần kết quả.”.

Chơn lý số 29 viết: “Sức mạnh của cái mật kêu là thân. Cái thân mạnh hơn hết, gồm cả thân khẩu ý làm một lại, mà bảo no là no, bảo sống là sống, bảo chết là chết, bảo đứng là đứng, bảo đi là đi, bảo lên là lên, bảo xuống là xuống... biến hóa vô cùng. Ta là mật, mật là ta, chư Phật Thánh là ta, ta là chư Phật Thánh, là cái mật, là như nhau, là có một, nơi ấy chỉ còn một cái đức tính linh thiêng, phép thần, trí huệ với chơn như mà thôi.”

Và: “Thân khẩu ý là tâm, là hột giống. Vậy nên **tu tâm là thân khẩu ý phải giữ gìn trau sửa cho được tự nhiên vắng lặng, ẩn mật kín đáo trở lại**, bởi chúng sanh là đã tập quen tánh xao động bên ngoài từ lâu, tự mình tạo sanh khổ nạn.” v.v...

Đến **Chơn lý số 48 – Tu và Nghiệp**, phần đầu bài tác giả đã viết: “Đành rằng người tu là phải dứt trừ tam nghiệp của thân khẩu ý, không nên tích trữ nó nữa; nhưng đó là dứt nghiệp hiện tại, và không sanh nghiệp vị lai, chớ những nghiệp quá khứ đã gieo tạo rồi thì cũng không sao tránh được sự kết quả, của thiện ác khổ vui xảy đến.”

Sở dĩ vậy vì người tu mà không còn nghiệp quả xấu là chỉ có chư Phật Như lai hay đại Bồ-tát mới được. Hai bậc này đã tu lâu đời lắm, nghiệp xấu đã từ lâu không gieo tạo thêm, nên từ nay về sau không còn khổ nạn, ấy mới gọi là Niết-bàn. Niết-bàn là không còn nghiệp quả khổ báo. Và cũng bởi các ngài tế độ chúng sanh đông, tức là các ngài đền trả nghiệp tội cho mau chóng...

Nhưng đoạn cuối bài này, lúc nói đến Tịnh độ tác giả đã viết y chơn lý: “Tịnh độ là chỉ có nơi người trong sạch dứt nghiệp, đó cũng còn là sự nói quyền. Chớ đứng ra triết lý chơn lý thì chơn như là Phật Tổ, trí huệ là Bồ-tát Tăng sư, thiên định là hào quang tòa sen tiếp dẫn, giới luật là xứ Tây phương Cực lạc.”

Ai cũng đã có sẵn đủ, biết dùng là người trí. Chính người trí thấy ai cũng đã có sẵn đủ, còn chúng sanh thường thấy mình thiếu thốn. Vậy căn bản là khác nhau nơi một cái thấy chứ có gì đâu, rất chủ quan!

2. Tâm chơn, tâm thật:

“Chơn” nghĩa là “thật”, vì nhà Phật ở Việt Nam quen gọi “tâm chơn” nên vẫn để kèm vậy. Luận về tâm, Sư trưởng Minh Đăng Quang đã dạy: “Chính tâm

chọn mới gọi là thiệt tâm, còn tâm vọng động của ác, nhơn, thiện là hột giống còn có thể hư hoại, dời đổi chưa chắc định. Cũng như trong cái chọn như không vọng động thì thân, khẩu, ý mới chắc thiệt của ta, là ta, là chọn ngã.” (*Chọn lý 21*)

Tâm thật của ta chính là Phật. Điều đầu tiên ta cứ ghi nhận như thế, theo lời dạy của các bậc Phật, Thánh. Và điều cuối cùng là ta phải làm sao vận dụng được tâm ấy mà thôi, ngoài ra không còn gì khác.

Vào thế kỷ VIII ở Trung Quốc, có ngài Mã đại sư lập đạo trường dạy người. Trong số cả ngàn đệ tử, thầy Hoài Hải làm thị giả cho ngài. Ngài đã có cách dạy thầy Hoài Hải đặc biệt như thế này:

Mỗi ngày thí chủ đem cơm đến xớt bát cúng dường Mã đại sư, khi thị giả nhận lấy, vừa giở lồng bàn ra Mã đại sư liền bẻ nửa cái bánh cầm lên hỏi: “Đây là gì?”. Thị giả lúng túng không biết nói sao cho đúng ý thầy, vì chẳng phải đó là nửa cái bánh còn gì. Nên Mã đại sư cứ hỏi thị giả mãi như thế suốt ba năm.

Rồi một ngày đại sư đi dạo trong núi, thị giả theo hầu thầy. Bấy giờ có một đàn vịt trời bay ngang qua, Mã đại sư hỏi đệ tử:

– Cái gì đấy?

Câu hỏi cũng y như lúc cầm bánh hỏi mỗi ngày, nhưng lần này thị giả vẫn theo bên ngoài của giác quan mà trả lời như bao nhiêu người khác:

– Đàn vịt trời.

– Chúng đi đâu đấy?

– Bay mất rồi.

Bất ngờ Mã đại sư đưa tay vịn mạnh lỗ mũi của Hoài Hải. Đau quá thầy ta la lên, Mã đại sư liền ôn tồn nói:

– Lại nói “bay mất” à!

Ngay lúc đó Hoài Hải giác ngộ, dĩ nhiên là nhận ra được tâm thật của mình, cái **lâu nay mình thường dùng mà thường quên**, nào có mất đâu!¹ Ta hãy theo dõi tiếp câu chuyện của hai thầy trò Mã đại sư và Hoài Hải để hiểu hết đầu đuôi.

Đến hôm sau, vào giờ thuyết pháp dạy chư Tăng, theo tiếng trống lệnh cả thiền viện đều vân tập về pháp đường, nhà pháp. Mã đại sư bước lên tòa. Ngay lúc ấy Hoài Hải bước ra cuốn tám chiếu trải trước mặt thầy, chỗ để người học lễ lạy khi thưa hỏi. Xem như học pháp đã xong, pháp hội bế mạc, Mã đại sư liền bước xuống tòa về cốc, mọi người giải tán nghỉ khỏe.

Bấy giờ Hoài Hải đi theo thầy về cốc. Mã đại sư quay lại hỏi trắc nghiệm ông học trò:

– Sao ta vừa lên tòa ông liền cuốn chiếu?

¹ Chuyện này, cả Trúc Thiên viết chú thích trong sách *Thiền Luận* và giáo sư Lê Xuân Khoa viết bài đăng trong *Tạp chí Bách Khoa* số 139 đều giải thích là đàn chim không hề mất, giải thích vậy là sai.

Hoài Hải thưa:

– Hôm qua thầy nhéo mũi con đau quá!

Mã đại sư hỏi gắt:

– Hôm qua **ông để tâm ở chỗ nào?**

Câu hỏi đúng chuẩn, Hoài Hải hiểu ý hỏi nên đáp lời thầy:

– Hôm nay lỗ mũi lại không đau!

Đến đây Mã đại sư bèn xác định:

– Ông hiểu sâu việc hôm qua!

Hoài Hải quỳ xuống đánh lễ tạ ơn thầy.

Như thế, mất hơn ba năm dạy bảo đại sư họ Mã đã làm cho người đệ tử giỏi của mình được giác ngộ. Ta xem hết câu chuyện mới biết chỗ dạy bảo của các bậc đại sư là gì. Các ngài lo dạy cho đệ tử cái căn bản, để rồi sau đó đệ tử mới biết đường mà y pháp tu hành. Các ngài không dạy những học thuyết mênh mông, rối rắm, (như bộ sách *Thiền Luận của giáo sư Suzuki*).

Giác ngộ tâm thật là công quả căn bản, là bước đầu tiên của người học đạo, dù theo hạnh xuất gia hay tại gia. Nếu không như vậy thì mọi việc đều rơi vào hình thức, có vẻ tu hành, chứ chưa dính dáng, chỉ là gieo duyên thôi. Nên ngài Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đã bảo: Chưa kiến tánh tu hành uổng công. Cạo tóc, ăn chay, lạy Phật, học Pháp, theo chúng Tăng sinh hoạt này nọ, ngày đêm sáu thời tu tập tọa thiền, niệm Phật... mà vẫn với một cái tâm vọng tưởng không ngừng thì làm sao có công đức được. Mà cao hơn, tu hành nghiêm túc các pháp thiện đó, thì vẫn chưa dính dáng Phật pháp. Đây là chỗ đại sư Bò-đề-đạt-ma bảo vua Lương Võ Đế không có công đức, dù vua khoe đã làm được nhiều “Phật sự”.

Nhưng ai lại không có tâm thật, nên cũng có một đường lối: Không lo tham thiền cho giác **ngộ**, chỉ là thường tập sống như tâm ấy để chứng **nghiệm**. Bởi vậy nên Sư trưởng Minh Đăng Quang cũng dạy các đệ tử thường giữ Tâm không, ngoài Chơn lý ngài thường giảng. Còn thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác thời nhà Tống của Trung Quốc đã dạy người pháp tu Chiếu soi lạng lẽ (*Mặc chiếu*), nay còn được phái thiền Tào Động bên Nhật Bản áp dụng. Và chư Phật thì từ xưa đã theo căn cơ của chúng sanh mà quyền biến lập ra ba đạo Thỉnh văn, Duyên giác, Bò-tát để diu người đi lên. Ngộ hay nghiệm, hay mấy đạo gì đó đều là tùy nghi ứng dụng, đối với bậc đã thấu suốt, biết rành. Không thể nói thiền sư Đại Huệ Tông Cảo đúng còn thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác sai. Nếu các thiền sư phái thiền Lâm Tế ở Trung Quốc phản đối pháp Mặc chiếu, rồi họ cũng lập ra nào là pháp Khán ngữ, nào là pháp Đáp thoại, hay Tham thoại đầu v.v... thì phải nói làm sao? Chẳng phải đều là pháp phương tiện hết sao, có cái nào là thiền đâu?

Tâm không phải là ý, không phải là ý muốn hay là suy nghĩ. Tâm là việc làm – lời nói – và ý tưởng, là gồm ba nghiệp thân – miệng – ý, mà thiếu một thì chưa thành tâm. Tâm thú là ba nghiệp ác, tâm người là ba nghiệp nhân từ hiền

lành, tâm trời là ba nghiệp thiện, còn tâm Phật là ba nghiệp chơn. Ba nghiệp chơn là sao? Đây là một cách nói, còn gọi là Ý đã định, là Vô trụ, là Ba nghiệp trong sạch không không, là Sống với Chơn lý, là Y theo Công lý, là Thích-ca Chánh pháp, là Vô tác, là Niết-bàn v.v... Đừng bao giờ hiểu ba nghiệp chơn là khi chết mất cái tâm, cũng như đừng bao giờ nói vào Niết-bàn rồi thì không còn gì nữa! Hiểu vậy là học Phật pháp lại biến thành ngoại đạo, thật trớ trêu.

III. BÀN VỀ QUẢ:

1. Bàn chung về quả báo:

Bàn về Quả báo là bàn về Cuộc sống hiện tại của chúng ta. Từ xưa các bậc thầy đã dạy:

Bằng ai muốn biết nhân xưa
Khá xem hoàn cảnh bây giờ chịu đây.
Muốn biết hậu quả sau này
Xem điều tội, phước ta nay đang làm.

Những gì đang hiện hữu, thân người, nam hay nữ, cao, thấp, mập, ốm, đẹp, xấu, Việt Nam hay Âu, Mỹ, có gia đình ấm cúng hay là mồ côi, khỏe mạnh hay là bị đau ốm, giàu, nghèo, đủ ăn, có việc làm hay là thất nghiệp, cho đến trời mưa trời nắng v.v... thấy đều là những quả báo. Những gì đang diễn ra đều là kết quả của nguyên nhân nào đó trong quá khứ, không có gì tự nhiên xảy ra.

Người ta sẽ bảo đây là quan điểm của người theo đạo Phật. Nhưng muốn chứng minh điều này sẽ thật khó, bởi người thường không thể nhớ chuyện đời trước. Lại việc xảy ra ngay trong đời này thì cũng khó nhận ra liên kết nhân – quả của chúng. Như có người đứng đầu một tổ chức tôn giáo, với tính tham danh đã ra sức loại trừ những người giỏi và tạo bè đảng vây cánh cho mình; nhưng người ấy đã mắc nhiều bệnh nan y như tiểu đường, ung thư, mỗi ngày phải sống nhờ thuốc, thân thể thường đau nhức mệt mỏi, thần suy sắc kém; thì hai việc đó khó ai hiểu được chúng là nhân quả của nhau. Muốn kiểm nghiệm, người ấy hãy sám hối lỗi lầm, cố gắng đền bù những tổn hại đã gây, rút lui khỏi chỗ danh dự, sống nhẹ nhàng xem. Nếu bệnh thuyên giảm liền thì có thể kết luận: Chính sự ham quyền tranh danh đã chiêu cảm bệnh tật khổ đau suốt bao năm nay! (*Mà đến khi thành quả đời sau còn kinh khủng hơn nhiều, do tội phá đạo!*) Hoặc như nước Mỹ mỗi ngày có hơn 300 vụ xả súng bắn người, một tệ nạn mà không nước nào có, thì có thể do nhân sản xuất và buôn bán vũ khí số lượng rất lớn, gây chết chóc khắp thế giới, đổi lấy sự giàu có cho nước mình. Đem vấn đề này thưa ngài Dalai Lama xem có đúng không?

Vậy đã không thể chứng minh rạch ròi được như yêu cầu của giới khoa học, giới trí thức, thì chỉ có thể kiểm nghiệm như trên thôi. Công thức để kiểm nghiệm là phương trình: **nhân THIÊN ÁC + duyên = quả SUỐNG KHỔ**, mà những hình thức, mức độ, thời gian và thời điểm thành quả chính là do duyên tác động. Còn bậc trí, với lực của tâm chơn đã tự nhiên thấy rõ nhân quả, không cần chứng minh lời thôi gì.

Nhắc đến bậc trí, thì bậc không ai hơn là đức Phật. Từ xưa đức Phật Thích-ca đã dạy rất nhiều nhân quả đại khái như thế này:

– Có ông cụ giàu có khi chết không kịp trần trời chỗ giấu mấy hũ vàng. Do quá tiếc của nên linh hồn ông đã tái sinh làm chó giữ nhà cho con, thường nằm tại chỗ đã chôn vàng. Khi đức Phật đi ngang nhà, chó ấy chạy ra sủa, Phật quở mấy tiếng, chó hổ thẹn vào nhà nằm bỏ ăn. Chủ nhà biết chó cũng bỏ ăn vì gặp Phật nên đến tịnh xá thưa chuyện. Phật bảo nó vốn là cha ông, nay làm chó để giữ vàng, nếu không tin cứ đào chỗ nó thường nằm xem. Người ấy y lời Phật làm, quả nhiên đào thấy vàng, sau đó chó cũng được thoát kiếp...

– Có ông giáo sĩ Bà-la-môn cúng tế thần bằng cách giết 500 con dê, nên 500 đời bị làm dê chịu khổ. Đến đời cuối bị dắt ra sông tắm sạch để chuẩn bị cúng tế, con dê đó chợt biết rõ nhân quả của mình, nó cất tiếng khóc thương kẻ giết mình rồi lại cười vì mình sẽ được thoát nạn làm thú vật ngay hôm nay. Chuyện lạ lùng được thưa lên Phật, Phật xác định là đúng như lời dê nói.

– Có nhà sư mới đi tu được cúng một xấp vải đẹp để may y, sư rất thích. Hôm sau sư chết, do tâm ham vải đẹp nên sinh làm con rệp ở trong đó, chun ra chun vào thích thú. Khi chư Tăng định mang xấp vải đó ra chia, con rệp quỳnh quáng, đức Phật cản, bảo để bảy ngày sau hãy chia. Bảy ngày sau con rệp ấy thoát kiếp, Phật mới cho chư Tăng dùng xấp vải đó.

– Có người đi tu, được ngài Xá-lợi-phất dạy tu pháp quán xét Thân chẳng sạch. Người ấy tu mãi chẳng thâm nhập. Chuyện được thưa lên đức Phật, Phật bảo ông ta đã từng 500 đời làm thợ vàng, thường thấy thân thể mang đồ trang sức đẹp, nên khó quán tưởng sự dơ bẩn của thân thể. Sau đó Phật dạy ông tu pháp Đếm hơi thở, quả nhiên chỉ một thời gian ngắn liền kết quả.

– Như trước khi thành đạo, Phật Thích-ca đã tu khổ hạnh sáu năm đến mức còn da bọc xương. Trong thời gian đó, tuy mỗi ngày nhà khổ hạnh chỉ ăn vài hạt mè mà vẫn sống. Việc này chẳng phải là làm gương cho người tu sau gì, chẳng qua đó cũng là một quả báo của ngài.

– Cũng có lần Phật Thích-ca bị quả báo ăn cám dành cho ngựa suốt ba tháng an cư, do thưở xưa ngu muội đã từng mắng một vị Phật: “Nhu ông chỉ nên ăn đồ cho súc vật chứ ăn cơm làm gì!”. Quả báo đó còn nhẹ, gặp kẻ khác làm vậy ắt bị làm trâu làm ngựa nhiều đời!

v.v...

Gọi là “đại khái” vì không nhất định nhân đó sẽ kết quả đó, mà còn có các duyên tác động. Ví như hạt bắp không có nước, đất, ánh sáng thì làm sao thành cây bắp được. Vậy Nhân quả nói rõ là một quá trình Nhân – duyên – quả, phải tùy từng trường hợp cụ thể mà xem nhân quả. Quá trình đó triển chuyển mãi sẽ là Nhân – duyên – quả – duyên – nhân – duyên – quả... Bao giờ vũ trụ còn vận động, trái đất còn xoay, muôn loài vạn vật còn sinh sôi nảy nở, thì nhân quả cứ triển chuyển mãi. Nhân quả là cuộc sống, cuộc sống là nhân quả, ngay đó hãy thấy ra công lý, và siêu thoát, tự chủ!

2. Ba cõi:

Ba cõi là ba dạng cõi sống của chúng sanh trong vũ trụ, gồm cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô sắc. Trong đó, cõi Sắc và cõi Vô sắc đều của các bậc trời sống, còn cõi Dục lại có đủ sáu hạng chúng sanh là trời, người, thần, súc sanh, quỷ đói và địa ngục sống. Còn các bậc siêu thoát như Phật, Thánh A-la-hán đã ra ngoài ba cõi, theo nhận thức thường tình là không lường được.

– Cõi Dục: Thấp nhất trong ba cõi là cõi Dục. Cõi này được cảm ứng bởi tâm lượng ham muốn của chúng sanh, lấy thân thể làm trọng. Do ham muốn thân thể làm trọng tâm, ứng theo các mức nặng nhẹ mà thành sáu cõi là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Thần, Người, Trời. Trong đó, cõi người gồm bốn cõi là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Câu Lô Châu; còn cõi trời Dục lại gồm có sáu cõi trời từ thấp tới cao là Tứ Đại Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại. Ở sáu cõi trời Dục vẫn còn có nam và nữ, nhưng từ tầng thứ ba trở lên thì không còn dâm.

– Cõi Sắc: Cao hơn cõi Dục là cõi Sắc. Đây là cõi được lập ra bởi thiên định, gồm có bốn định làm trọng tâm: Sơ định, Nhị định, Tam định, và Tứ định. Mỗi định đó ứng ra ba cõi trời, riêng Tứ định có thêm cõi Vô tướng và năm cõi A-na-hàm là năm chỗ ở của hàng Thánh nhân thứ ba trong nhà Phật. Các cõi trời này có quả báo khác nhau, ở cõi trên lại tốt đẹp hơn cõi dưới nhiều lần. Vậy cõi Sắc có 18 tầng trời là: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm; Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm; Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biên Tịnh; Phước Sanh, Phước Ái, Quảng Quả, và Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh. (Xem cuối Chơn lý 55.)

– Cõi Vô sắc: Cũng được lập ra bởi thiên định nhưng cao hơn và hầu như không còn thân là cõi Vô sắc. Cõi Vô sắc gồm có bốn tầng trời Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu và Phi Phi Tướng. Cõi trời Phi Phi Tướng ở đỉnh của Tam giới, có tuổi thọ là 80 ngàn đại kiếp (*bằng 80 ngàn lần quả đất hình thành và hủy diệt*), nếu siêu thoát khỏi cả bậc này thì đắc Niết-bàn của nhà Phật.

3. Sáu đường:

Sáu đường là sáu nẻo lưu chuyển của chúng sanh, gồm có trời, người, thần, súc sanh, quỷ đói và địa ngục. Sáu đường là lục đạo luân hồi, là sáu cách sống lẫn quẫn của chúng sanh, mà hễ vượt khỏi sáu kiểu này là đi theo Phật, an ổn, tự tại vô cùng.

– Trời: Do tâm thiện lành nên được làm trời, hưởng phước sống lâu, sắc tốt, yên vui, sức mạnh và trí tuệ. Tâm thiện lành là: năm giới cấm của người cư sĩ, tám giới cấm, hiếu thảo, bố thí, cúng dường Tam Bảo, không tiếc sức phục vụ xã hội, cứu người lúc hiểm nghèo, tu tập các thiện pháp Phật dạy v.v... Trời có thân hóa sanh, quanh thân có hào quang sáng ngời, tuổi rất thọ (*bằng hàng triệu năm của cõi người*), có phép thần thông thấy xa nghe khắp... muốn ăn có ăn muốn mặc có mặc, không phải lao động kiếm sống mỗi ngày.

– Người: Do tâm nhân từ thương người mền vật nên được làm người, mang thân vật chất tốt đẹp nhất (*trong các dạng thân vật chất*), có hiểu biết mọi chuyện, làm chủ được vạn vật. Tâm nhân từ là không giết hại, không làm cho người vật bị khổ đau, thường hay chia sẻ giúp đỡ cho người vật. Làm người phải lao động kiếm sống mỗi ngày, lại bị ràng buộc nhiều vào thân.

– Thần: Do tâm hay tranh đấu phải trái và cũng có tu phước mà làm thân, tuy có phước gần bằng trời nhưng đức kém xa. Thần đứng dưới người một bậc trong sự tiến hóa tự nhiên.

– Súc sanh: Do tâm dâm dục nặng nề mà làm thú. Làm thú mang lông đội sừng, sống nơi hang ổ, lo kiếm ăn khổ nhọc, bị bản năng chi phối không kiềm chế được, khó có cơ hội được tiến hóa.

– Quỷ đói: Nga quỷ là kẻ đói khát khổ sở, bị miệng ăn vật uống hành hạ trăm ngàn năm chưa thôi. Bởi đói khát quá nên ăn cả phân, đờm dãi, uống cả nước tiểu, máu... Do tâm tham của cải, keo kiệt không giúp ai hết, mà làm nga quỷ khốn khổ. Nếu xả bỏ nghiệp keo kiệt và quả đói khát, một lòng hướng về Phật trời thì được thoát khỏi kiếp nga quỷ.

– Địa ngục: Kẻ bị nhốt phạt hành hạ khổ đau mãi là kẻ ở địa ngục. Hấn ở mãi trong thế giới vật chất ảo tưởng của mình, tối tăm, khổ đau, chết đi sống lại bao lần vẫn không hết khổ. Bởi những tội lỗi giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, khoe khoang, dâm thọc, rửa chửi, tham lam, sân giận, si mê của ba nghiệp thân – miệng – ý mà bị cảm ứng địa ngục. Bài *Giác Ngộ* đã thuyết minh về cảnh giới này: “Địa ngục là sắc thân, tứ đại là bốn vách, cái có là nền, sở chấp là nóc! Chúng sanh là tội nhơn ở trong cái khám tối đó.”. Trên cơ sở đó có ra vô số địa ngục, và người ta cam chịu khổ sở mãi với cái địa ngục của mình! Nếu biết hướng về Phật trời thì có thể ra khỏi địa ngục.

4. Sống làm người:

a. Cuộc sống làm người đa dạng:

Nay chúng ta đang sống làm người, thật quý thay! Từ cái cây cọng cỏ tiến hóa thành sâu bọ, qua biết bao kiếp sống thành thú nhỏ, qua biết bao lần nữa mới thành thú lớn, lại qua biết bao lần tiến hóa nữa mới được làm người, cho nên làm người là đã có phước đức rất lớn. Ôi, quý thay được làm người!

Nhưng sống làm người không phải chỉ là mấy chuyện ăn, mặc, ở, bệnh của thân, mà sống làm người là cách hành xử của NGƯỜI. Chính chơn lý đã chỉ ra: Người có hành vi, trời có thức trí, còn Phật có giác chơn.

Như mấy nhà trí thức học giả hay nói: “Người ta hơn nhau ở một cái đầu.”, chứ thật ra người ta hơn nhau ở cái tâm. Tức là do nơi ba nghiệp thân miệng ý mà biết được địa vị và phước họa của một người. Trong kinh Phật dạy:

– Làm người giàu sang, quốc vương, trưởng giả là do đời trước thường lễ bái phụng sự Phật, Pháp, Tăng tam bảo.

– Làm người giàu có là do đời trước hay bố thí giúp đỡ.

- Làm người được sống lâu là do đời trước không giết hại.
- Làm người tướng mạo đoan chính là do đời trước hay nhẫn nhịn.
- Làm người tài ba sáng suốt là do đời trước có tu trí huệ.
- Làm người có giọng nói trong trẻo là do đời trước hát ca tán thán Tam Bảo.

- Làm người có thân hình cao lớn tốt đẹp là do đời trước hay kính nhường người khác.

- Làm người có thân hình thấp nhỏ là do đời trước khinh người.

- Làm người có thân hình xấu xí là do đời trước hay giận hờn.

- Làm người bị câm, ngọng, cà lăm, không nói năng bình thường được là do đời trước hay mắng nhiếc làm nhục người.

- Làm người hay bị sai khiến là do đời trước mắc nợ người không trả.

- Làm người hay bị bắt giam cầm là do đời trước hay bắt nhốt chim cá... nuôi chơi.

- Làm người tham ăn một mình, keo kiệt, bòn sẻn, sau đọa làm quỷ đói. Hết kiếp quỷ đói sinh làm người bần cùng đói khát.

- Làm người hay cướp giết của người sau đọa làm dê, bị lột da xẻ thịt.

- Làm người ưa trộm cắp sau thành trâu thành ngựa làm việc nặng nhọc để đền nợ.

- Làm người ưa uống rượu say sau đọa vào địa ngục Nước đồng sôi. Ra khỏi địa ngục ấy sinh làm loài khỉ tinh tinh (*gần giống người*). Hết kiếp tinh tinh sinh làm người ngu si, không ai màng tới.

- Làm người có tật ăn ở dơ bẩn là từ loài heo đầu thai.

- Làm người có thân thể tanh hôi là từ loài cá đầu thai.

- Làm người có tánh thâm hiểm độc ác là từ loài rắn đầu thai.

- Làm người có tánh tàn nhẫn là từ loài cọp, sói đầu thai.

v.v...

Mọi việc trong đời người không phải tự nhiên mà có, đều do hành vi sai khác mà cảm quả báo khác nhau, rất đa dạng, phức tạp. Phải có trí thiên nhãn mới thấy cụ thể chính xác nhân quả của từng việc. Ta nên cẩn trọng lời nói, việc làm và tư tưởng của mình, kéo đến khi thành quả thì có hối cũng đã muộn. Ta cũng nên thường lạy Phật xin sám hối những nghiệp xấu đã tạo trong vô lượng kiếp sống mà chưa thành quả, để tiêu trừ bớt những nghiệp ấy, đừng để nó thành quả báo nặng nề. Oai đức của Phật không thể nghĩ bàn, ta nương theo oai đức Phật sẽ tạo ra một duyên tốt tác động mạnh đến những nhân quả của ta.

b. Sống làm người:

Kinh Phật dạy loài người sống ở bốn châu Đông, Tây, Nam, Bắc khác nhau quanh chân núi Tu-di. (*Trong đó ba châu và núi này mắt thường không thấy được.*) Chúng ta đang ở châu Nam Thiệm Bộ, gọi là địa cầu Xanh, hiện có hơn bảy tỷ người, với hơn 200 quốc gia và cả ngàn văn hóa khác nhau. Ta không sa đà vào những sai khác của nhân loại, mà bàn vào trọng tâm. Có thể bàn vào trọng tâm qua mấy hướng: **thời gian, nhịp sống, tầm nhìn, kinh tế, chính trị, an sinh** v.v...

– Hãy nói về thời gian làm người. Mỗi ngày ai cũng có 24 giờ như nhau, trong đó 6 giờ phải ngủ, còn lại 18 giờ chia ba phần sáng, chiều, và tối sẽ làm gì? Sẽ làm gì, phải làm gì, nếu người đang bận rộn thì không rảnh mà nghĩ đến, nếu người không có gì để làm hay không thể làm gì thì thấy thời gian quá dài. Nhưng người Phật tử sẽ có chánh tư duy về thời gian như thế này:

Người xưa bảo một ngày trong tù bằng ngàn thu ở ngoài (*Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại.*), lại có người cũng nói ngày vui ngắn chẳng tày gang, hoặc người trẻ thấy thời gian qua nhanh còn người già thấy thời gian qua lâu, hay trong kinh đức Phật đã dạy rằng một ngày đêm ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương bằng 50 năm ở cõi người, lên đến cõi trời thứ hai là cõi Đao Lợi thì một ngày đêm bằng 100 năm ở cõi người, lên cõi thứ ba một ngày đêm bằng 200 năm, lên cõi thứ tư một ngày đêm bằng 400 năm... Như thế, phải giác ngộ rằng THỜI GIAN LÀ VẤN ĐỀ TÂM LÝ.

18 giờ kia của mỗi ngày sẽ là đủ mọi chuyện thú vị của người ham sống, lại cũng là bình lặng đơn giản của người đã từng trải, lại cũng là số 0 với người đang nhập định. Thời gian? Đó là những thời điểm sống. Còn không gian? Thì cứ theo cái thân người này làm mốc mà phóng chiếu, thành giòng ghề nhà cửa, thành sân vườn ruộng rẫy, thành ao hồ sông suối, thành xóm làng quê hương, thành năm châu bốn biển, thành bầu trời, thành Thái Dương hệ v.v...

Không gian sẽ đo bằng thước tắc vật lý, có kẻ chỉ là góc sân và khoảng trời, còn có kẻ là hết biển Đông, cũng có khi không gian là khoảng trống ảo trong một cái máy điện toán, cũng có khi là cõi siêu hình mắt thường không thấy được... Như vậy, KHÔNG GIAN CŨNG LÀ VẤN ĐỀ TÂM LÝ. Không gian là này kia khi tâm động, mà không gian là số 0 khi tâm định.

Tóm lại, thời gian làm người đừng đo bằng một cái đồng hồ hay mấy cuốn lịch, ứng theo quả đất. Mà thời gian làm người nên đo bằng tâm lý: Nếu tâm thiện vui sẽ rất dài rất rộng, nếu tâm ác khổ sẽ rất ngắn rất hẹp, nếu tâm tự nhiên định tĩnh thì sẽ là mãi mãi.

Thời gian sẽ là mãi mãi chẳng thích sao? Chẳng còn thời điểm nào chi phối nữa, sao cũng được, ngày đêm không kể, tháng năm chẳng màng, bốn mùa đổi thay tự nó, trong mỗi lúc có đủ cả quá khứ, hiện tại, vị lai; xưa nay có một, động tĩnh không hai...

– Hãy nói về nhịp sống, như khi đến thành phố này ta thấy dân chúng nhàn nhã, còn đến thành phố khác ta lại thấy mọi người khẩn trương. Con người lấy ý làm ta, chủ thể, mà cái ý đó không ngừng máy động, nên căn bản là nhịp sống của con người không ổn định, tức là thất thường. Nhà Phật đã nhận xét như vậy từ xưa rồi.

Dẫu biết rằng sống khẩn trương không tốt bằng sống thong thả, thế nhưng người ta đã quen sống vội mà họ lại thấy đó là bình thường. Ví dụ, một muỗng cơm nhai bao lâu, một hơi thở dài tới đâu, một bước chân là mấy nhịp, một cái nhìn thấy được mấy phần, một lần đi chợ là qua mấy phố, một buổi đến trường học được mấy điều, một lúc gặp bạn bè ta cười mấy lần?... Hỏi đây không phải để trả lời. Ý hỏi là để xem lại, từ đó sống chất lượng hơn, không sống hời hợt nữa.

Nói về nhịp sống là nói về sức chánh niệm của mọi người. Khi đuổi theo hình thức sinh hoạt, những công việc, những giao tiếp, người ta bị xã hội chi phối nên sống hời hợt. Nó cũng như trái đào cắn vội một miếng rồi ném bỏ, không kịp ăn tiếp, phung phí. Tại sao ta lại phung phí cuộc sống của chính mình? Tại sao ta vội đi tìm cái gì khác ngoài nữa? Hỏi đây là ý nhắc nhở ta sống tốt hơn, xem lấy dưới gót chân.

Đã bàn về chánh niệm thì phải nói đến vô niệm cho thông suốt. Vô niệm không phải là ngây ngô trẻ con, mà vô niệm là tâm định tĩnh, như gương ứng vật, vật đến thì gương hiện hình, tùy nghi xử trí, vật đi thì gương lại sáng trong. Không có niệm gì mới thật là chánh niệm. Người ta sẽ có nhịp sống thong thả là khi đã tự chủ, không bị thế giới xung quanh chi phối nữa.

– Hãy nói về tầm nhìn, lời tục bảo là nhìn bằng lý trí hay nhìn bằng trái tim đó. Dẫu vậy, cả hai vẫn là lệch một bên, hoặc này hoặc nọ... Nếu là trí Bát-nhã thì chẳng vậy. Ví dụ ánh sáng, nó không chiếu sáng được bên trong cái chậu úp sát đất, nhưng trí Bát-nhã thì khác, soi sáng hết mọi chỗ.

Người nam hay sống bằng lý trí, người nữ hay sống bằng trái tim, nên nam nữ có khuynh hướng ghép thành một đôi, để bổ sung nhau. Dẫu vậy, tổng hợp vẫn là lệch một bên, chưa phải là Bát-nhã. Nếu có một điểm dừng là nam, nữ, lý trí, trái tim... gì đó thì chẳng phải là Bát-nhã, mà cộng hết các điểm dừng đó lại thì càng không phát huy được Bát-nhã. Đừng đuổi theo lời nói mà thấy rồi, vì lời nói chỉ là cách trình bày. Ý nói ở đây là vô trụ, là không, là tự nhiên, là làm ơn đừng thêm mắm muối hành tỏi gì nữa, bởi Bát-nhã là trí vũ trụ, không ai không có.

Người ta có những tầm nhìn hoặc thực dụng, hoặc thật tế, hoặc nông cạn, hoặc sâu sắc, hoặc ích kỷ nhỏ nhen, hoặc vị tha rộng lớn... Còn tầm nhìn của Bát-nhã thì sao? Nó chẳng đóng khung trong một giá trị nào, cứ như thật thôi. Làm người như thế là làm Phật rồi, còn đòi gì hơn!

– Hãy nói về kinh tế, về sự kiếm sống. Người ta nên bằng lòng với những gì mình có hay là nên sở hữu nhiều? Thường thì ai cũng muốn sở hữu nhiều, như đàn kiến gom đồ ăn đầy tổ, như con sóc cất cả kho đồ ăn trong hang...

Thế nhưng kinh Phật dạy: Biết đủ thì thấy đủ, không biết đủ thì thấy thiếu, người biết đủ là người giàu có, bởi giàu có cho nên không thấy mình thiếu thốn. Vậy đủ hay thiếu là một vấn đề tâm lý, hơn là số lượng những gì một người có. Ví dụ một nắm xôi, với thằng Bờm là đủ, với hầu hết mọi người là không đáng gì. Nên khi phú ông thử Bờm, xin đổi bao nhiêu tài sản lấy cái quạt mo của Bờm mà Bờm cũng chẳng chịu, đến khi đổi nắm xôi Bờm mới cười. Ví dụ không khí, có quá nhiều cho nên có ai thèm để ý là đủ hay thiếu. Nhưng khi bị ô nhiễm, hết không khí sạch để thở, lúc đó người ta thấy thiếu không khí. Cái thiếu đây là thiếu không khí sạch, chứ bầu không khí còn nguyên đây có hao gì đâu. Vậy là do không vừa ý nên thấy thiếu, trong khi vẫn còn nguyên. Ví dụ rác thải, ai cũng bỏ rác hàng ngày, có ai thấy rác dư bao giờ. Đến khi xe tải gom đồ đầy gần nhà mình, hôi thúi không chịu nổi, ruồi muỗi bu đậu hàng đàn, người ta la lên là kinh khủng quá! Thế sao ngày nào mỗi nhà cũng đều mang rác đi đổ lại không thấy là rác dư? Họ vẫn biết là dư mới đi bỏ, mà bỏ rồi thì thấy hết dư ngay. Hết dư đây là hết dư trong nhà mình, còn số rác đó sẽ biến đi đâu? Người đổ rác không cần biết điều ấy, miễn sạch nhà mình rồi thôi. Cuối cùng thì chẳng cần nói, mấy núi rác to đùng ngay trong thành phố, một hệ quả của nền kinh tế, không thể chối bỏ được.

Bởi tâm tham cho nên cứ thấy mình thiếu, do vậy cứ lo chiếm hữu và tích trữ. Cái tích trữ tiện lợi nhất là tiền, tốt nhất sẽ để ở ngân hàng, không giữ trong nhà nguy hiểm. Và còn nhiều thứ vật chất để tích trữ, cùng tích trữ tình cảm, tích trữ thông tin... Từ đó người ta lao vào kiếm sống, số đông ai cũng làm vậy thành ra một nền kinh tế! Ô hay, nó chỉ là tâm tham, một vòng xoáy bão bùng?

Cho nên bây giờ nhiều người trí không tích trữ đầy nhà nữa, đồ cũ vẫn tận dụng; ăn uống vẫn hưởng thụ nhưng không đua đòi nữa, thức ăn cũ vẫn tận dụng; của cải vẫn tạo ra và gìn giữ nhưng cũng biết chia sẻ cho mấy nước nghèo đói; ở chỗ làm không cần nặng hình thức, miễn sao cũng làm việc mà vẫn thấy thoải mái cho nhân viên; cho tới không lao vào kiếm sống nữa, tuy lao động nhưng không làm suốt ngày, thời gian sống ý nghĩa được hưởng nhiều hơn v.v...

Vậy cần ghi nhớ hai chữ Biết đủ – Tri túc, tận dụng nó mà kiếm sống. Ai cũng thế thì thành một nền kinh tế thoáng, chẳng còn là chiến trường thương mại gì cả, sẽ chẳng còn ai tối mắt vì tiền nữa... Biết đủ là giàu có!

– Hãy nói về chính trị, sự tổ chức sắp xếp cuộc sống. Chính trị là phạm vi rộng, tổ chức cuộc sống là phạm vi hẹp. Cũng như ở trên nói về kinh tế – kiếm sống vậy, rộng hẹp cùng bàn luận hết. Nhìn chung cuộc sống của con người có tính cộng đồng, tính xã hội cao. Con người vốn là sống trong một gia đình, một công ty, một cộng đồng nào đó, chứ không sống lẻ loi. Đã là sống chung thì một

mình không thể tự quyết hết, vẫn phải lắng nghe mọi người, chú ý của mỗi cá nhân đều thuận theo ý chí của tập thể.

Trong nhà Phật, hình ảnh tổ chức cuộc sống tiêu biểu là đoàn thể Tăng-già, còn gọi là chúng hòa hợp. Một chúng tối thiểu là bốn vị sư. Họ cùng nhau quyết định mọi việc chứ không theo ý kiến cá nhân. Xem như họ là một gia đình nhỏ ở ngoài đời, các gia đình cũng nên theo cách thức này mà tổ chức cuộc sống. Gia đình đã vậy, những cộng đồng lớn hơn thì cũng theo cách thức đoàn kết này.

Đặc điểm chính của chúng hòa hợp trong nhà Phật là lấy Giới luật làm nền tảng, làm ý chí chung, mọi việc không vượt ngoài giới luật. Giới luật nhà Phật nói chung là Ba nghiệp thân miệng ý trong sạch, hay là Sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý trong sạch, nói cụ thể là Mười thiện nghiệp không giết hại – không trộm cắp – không tà dâm – không nói dối – không khoe khoang – không đâm thọc – không rửa chửi – không tham lam – không sân giận – không si mê.

Tóm lại, nên lấy đạo đức làm nền tảng và sống đoàn kết trên nền tảng đó. Như một nhà nước thì có Hiến pháp và Pháp luật, tương đương với Giới luật của nhà Phật. Khi nhà nước soạn thảo, ban hành các đạo đức ấy đều không phải do cá nhân hay nhóm nhỏ nào đó làm, cũng tương tự với chúng hòa hợp của nhà Phật. Nói chung vậy, còn cụ thể không sao nói hết...

(Tổ chức chúng hòa hợp của nhà Phật giống với tổ chức của đàn kiến. Trong đó kiến chúa đại diện cho ý chí tập thể chứ nó không thống lãnh cả đàn. Cũng như đức Phật Thích-ca đã bảo: “Ta không thống lãnh các sư, ta ở trong Tăng đoàn.” – Ngã bất lãnh chúng, ngã tại Tăng trung.)

– Hãy nói về an sinh, cách giữ cho cuộc sống được an ổn, qua những lúc mưa gió cuộc đời. Hàng ngày người ta có bất an chẳng? Lời đáp là có, ai cũng thấy chẳng an ổn mỗi ngày. Thế người ta bất an chuyện gì? Nhiều chuyện phiền toái lắm: quần áo dơ, người nặng mùi, mặt nổi mụn, mập, ốm, bụng đói, hết tiền xài, hết nước, cúp điện, không có ai để nói chuyện, bóng tối, sấm sét, bọn trộm, bọn lừa đảo qua mạng, bọn khủng bố, mấy con vi-rút, chuyện khó hiểu (*như ma, đĩa bay...*), trách nhiệm, nghĩa vụ, địa vị, tên tuổi v.v... người lo phiền chuyện này, người phiền lo chuyện khác.

Đời người có quá nhiều chuyện, cho nên người ta thường phải lo giải quyết, phải cần bảo vệ, cần chính quyền chăm sóc... Cuộc sống không đơn giản, làm sao mà không lo. Cái lo đó là sự chuẩn bị cho cuộc sống, nhưng đừng đợi nước tới chân, việc xảy đến mới lo. Nếu là người có tu, thiện lành, ắt là có phước, mọi việc sẽ ổn. Nếu người kém phước thì thiếu hụt, khó khăn, đau bệnh... khó tránh khỏi. Vậy hãy lo tu, chứ đừng tạo nghiệp xấu như trộm cắp, lừa đảo, trăm mưu ngàn kế toan tính... Lo tu là lo xa, có lo xa thì chẳng có rầu gần. Mà tu là sao? Tu là: Đừng làm ác, sẽ có phước; gắng làm thiện, càng thêm phước; và nhất là buông đi, đừng ôm đồm, ngay đó yên ổn là phước rồi. (*Dứt ác – Làm lành – Rửa lòng trong sạch.*)

Bây giờ, như có trách nhiệm nuôi con thì sắp xếp cho ổn thỏa, mình cứ làm tương đối là được rồi, còn tương lai của đứa bé không thể nói trước. Hàng ngày vẫn phải đi làm để duy trì đời sống. Làm về rồi thì tắm rửa, ăn uống, ngủ nghỉ, có gì phiền lo. Còn người đã đầy đủ mà đi lo địa vị, tên tuổi, thì tại họ sinh sự...

Hãy nhớ: Dứt ác – Làm lành – Rửa lòng trong sạch, còn lại chẳng gì phiền nữa.

Bài viết *Sống Làm Người* này không thể viết hết mọi chuyện, mà chỉ đưa ra một số vấn đề và cách giải quyết, để theo đó lại có nhiều quan điểm hay khác nữa, của mọi người. Nhưng ý chính của bài *Sống Làm Người* này là Chân nhân tức thị Phật. Có triển khai đến mức đó mới xứng với các bài chọn lý của ngài Minh Đăng Quang.

IV. ĐẶC ĐIỂM NHÂN QUẢ PHẬT DẠY:

1. Nhân quả chính là cuộc sống tương đối của muôn loài vạn vật:

Nhân quả là sự vận hành đắp đổi tương đối của cuộc sống. Do đó nhân quả là giáo lý tương đối, cũng hợp theo tầm nhìn tương đối của đa số mọi người. Nhân quả chưa phải là pháp Phật đầy đủ, Công lý vũ trụ mới đúng là pháp Phật nói về nhân quả.

Đối với người đang sống trong cuộc sống tương đối thì hiểu Nhân quả là tốt rồi, không mong họ giác ngộ Công lý. Cuộc sống tương đối là sự vận hành của rất nhiều nhân quả, mà hễ nhân nào chín trước thì thành quả, và cứ chuyen nín nhau mãi.

Vậy khi đang sống đây, người ta chỉ cần biết rằng: Nhân thiện chiêu cảm quả tốt, nhân ác chiêu cảm quả xấu, quả tốt là do nhân thiện, còn quả xấu là do nhân ác. Từ đó người ta sẽ chủ động hành xử để tránh xấu được tốt, trong điều kiện có thể. Và khi kết quả chưa thành thì nhẫn nại, không than trời trách đất.

2. Nhân quả kéo dài qua nhiều đời sống:

Nhân quả được Phật dạy rất kỹ, gồm ba đời hai tầng nhân quả (*tam thế lưỡng trùng nhân quả*), trong đó chú trọng hiện tại. Kia cuộc sống có trước có sau, có nhiều đời quá khứ, nay là đời hiện tại, và sẽ có nhiều đời tương lai, với lắm cõi sống khác nhau.

Mỗi chúng sanh đã sống vô số kiếp và sẽ tiếp diễn nhiều kiếp sống nữa. Vì cuộc sống kéo dài như thế, vậy **ta sẽ chọn cách sống nào và chọn cõi sống nào?** Sống ở cõi tiên thì nhẹ nhàng và sung sướng, thọ hàng triệu năm. Sống ở cõi người phải mang thân vật chất nặng nề, không ai là không phải học hỏi và lao động, tuy hơn loài thú rất nhiều mà kém rất xa các bậc thần tiên. Còn sống làm thú, bú liếm dâm dục và ăn tươi nuốt sống, thì phải mang lông đội sừng, hôi hám dơ bẩn, còn gặp phải dao thớt và chảo dầu, biết bao tối tăm khổ sở! Mà nói

sơ về cách sống, thì có hai hướng chính để lựa chọn: đó là **sống trong nhân quả hay sống siêu thoát?** Ta hãy xem qua những gợi ý của nhà Phật và lựa chọn cho mình đi:

– Người ta, thông thường sống trong nhân quả. Họ thấy là mình bị động, không biết được ngày mai, trong khi những kết quả họ có được vốn chính là của họ. Rồi khi chuyện này việc nọ xảy đến, người ta hoặc mừng hoặc sợ, hoặc vui hoặc buồn, thành lảm chuyện... Cuộc sống của hạng ở trong nhân quả rất nặng nhọc, dù sống làm trời thì vẫn có những trói buộc của nó.

– Còn đệ tử Phật cố gắng sống siêu nhân quả. Biết rằng nhân quả là cuộc sống đang tiếp diễn đây, hoặc ở cõi vật chất hay ở cõi siêu hình, nhưng hàng Phật tử không nặng lòng theo những diễn tiến. Quý vị ấy sống chủ động, không lầy sự thụ hưởng làm sống, và cố gắng không cho đời lôi kéo sa đà. Bậc ấy tự tạo ra cõi riêng cho mình, với cách sống tinh thức, tức là không hạn cuộc trong ba cõi sáu đường gì cả.

Sống trong nhân quả, thì miếng ăn đồ uống gì cũng là phước phần của mình, phải ghi nhận rõ như vậy. Hễ xài nhiều thì mau hết, rất đơn giản. Mà nếu biết lo tạo phước thì phước phần lại tăng lên, xài thông thả. Tuy vậy, các phước ở cõi trời cõi người đều hữu hạn và có điều kiện cả, nên biết như vậy. Đặc biệt, địa ngục, quỷ đói, súc sanh là ba đường ác, hãy nương oai lực Tam Bảo mà phá tan ba đường ấy! Còn sống siêu thoát, tuy mọi chuyện vẫn do nhân quả vận hành mà mình đã không còn kẹt trong những vòng xoáy đó nữa. Sống siêu thoát thật sướng thay, ta đã hết kiếp nô lệ lầm than trong những dòng nhân quả báo ứng bất tận!

Trong những cuộc sống bất tận, lúc chết thường là lúc bắt đầu cuộc sống mới. Với người Phật tử, tử nhật quan trọng hơn sinh nhật; mà người Âu Mỹ lại quá xem trọng sinh nhật, và hết sức chối bỏ tử nhật. Khi chết, hãy can đảm và bình tĩnh, vì nó cũng như cởi chiếc áo (*bằng thịt*), nhất là nên dùng câu niệm Phật làm xe thuyền để đi đến cuộc sống mới.

Ta sẽ chọn cách sống nào và chọn cõi sống nào, bài *Giác Ngộ* đã tổng kết thế này: “Như vậy, cảnh giới địa ngục là sắc thân ác khổ, chết và thất bại. Cảnh giới thiên đường là thức trí thiện vui, sống và thành công. Còn cảnh giới Niết-bàn là chơn tâm tuyệt đối, bình đẳng sáng rõ, không có chi chi cả. Ba mặt kiếng ấy, ba cảnh giới ấy, ba thế giới ấy, không phải ở nơi đâu cả, có thể nói là ở nơi cái ác, cái thiện, hay nơi cái chơn như của mỗi người hiện ra vậy.”

Trong sách *Bốn Lời Dạy Của Liễu Phàm (Liễu Phàm Tứ Huán)*, cư sĩ Liễu Phàm đã kể lại chuyện đời mình. Cư sĩ trước có tên hiệu là Học Hải, họ Viên, sống vào đời nhà Minh của Trung Quốc, thế kỷ XVI. Hồi nhỏ, Học Hải được mẹ cho học làm thầy thuốc chứ không cho học để làm quan. Năm 15 tuổi, tại chùa Từ Vân, Học Hải gặp Khổng tiên sinh, ông ta bảo chàng trai có số làm quan và có số kế thừa sở học của ông. Học Hải mới mời Khổng tiên sinh về nhà. Đến nhà, Học Hải thưa với mẹ, mẹ bảo phải tiếp đãi cụ tử tế và xin cụ xem bói cho. Bấy giờ Khổng tiên sinh xem tướng số và nói rõ vận mệnh của Học Hải, rằng tháng mấy năm nào thi đỗ, đỗ bậc gì, làm chức gì, làm bao lâu, lương được

bao nhiêu, khi nào lấy vợ, số không có con, và tới 53 tuổi vào ngày giờ đó sẽ chết... Học Hải ghi lại hết, quả nhiên sau đó mọi điều đều đúng y như lời thầy tướng số nói.

Lúc mới được biết số mạng Học Hải còn cố gắng đi học để tiến thân, nhưng rồi mấy năm sau chàng an phận, và có lòng chán đời, vì số không con, cũng không sống thọ. Học Hải trở nên thụ động, không tha thiết gì nữa, cuộc đời xem như đã xong, sống đây như là đã chết. Năm 35 tuổi, lúc ở Nam Kinh, chàng đi chơi đến núi Thê Hà, lên chùa Vân Cốc trên núi vân cảnh. Tại đó Học Hải gặp thiền sư Pháp Hội trụ trì chùa. Bấy giờ ngài đưa cho Học Hải một tấm nệm, bảo cùng ngồi thiền. Học Hải đã ngồi với thiền sư ba ngày đêm không nhúc nhích, cũng không ngủ. Thiền sư Pháp Hội thấy vậy mới hỏi:

– Ngài là đạo nhân chăng?

Học Hải đáp:

– Con là tú tài.

– Thế làm sao ngồi được ba ngày đêm không loạn tâm?

– Hồi nhỏ con gặp một thầy tướng số rất giỏi, ông ta đã nói trước số mạng của con từng chút, không sai điều gì! Từ đó con biết mọi việc đã được số trời sắp đặt, nên chẳng nghĩ ngợi gì nữa, ngồi yên bao lâu cũng được.

Thiền sư bật cười, bảo:

– Thì ra chỉ là một kẻ phàm tục!

Học Hải nóng mặt, hỏi:

– Sao hòa thượng nói thế?

Ngài đáp:

– Anh chẳng thấy trong năm kinh của nhà Nho các anh có nói sao: “Thú kiết ty hung”, hướng tới điều tốt và tránh điều xấu. Nếu cuộc đời đã được an bài thì sao Thánh hiền còn dạy như thế? Hai mươi năm qua anh đã được biết trước số mạng mà chẳng thay đổi cho tốt hơn, chẳng phải phàm tục thì là gì? Nếu là bậc Thánh thì phép bói âm dương khí số không đoán được nữa.

Học Hải thừa nhận thiền sư nói có lý. Thiền sư Pháp Hội hỏi tiếp:

– Anh tự xét xem vì sao mình có số không đậu tiến sĩ và không có con nối dõi?

Học Hải tự kiểm điểm kỹ rồi thưa:

– Do con không có đức hạnh. Con thường hay bực bội mọi chuyện hàng ngày. Con không bao dung được người có lỗi lầm. Con hay thích sao làm vậy, nghĩ sao nói vậy, chứ không chịu xem xét cân nhắc. Đó là những tướng tiêu nhân, nên không thể làm quan lớn được.

Con có tánh sạch sẽ kỹ lưỡng, dễ bực bội, khắt khe, sĩ diện, ham nói, hay rượu, và thích ngồi cả đêm. Mà hễ nước trong quá thì không có cá, không thuận hòa thì khó sinh sôi nảy nở, không có tha thứ thương yêu thì ai dám ở với mình,

hễ sĩ diện thì khó giúp được ai, ham nói thì tổn khí lao lực, hay rượu thì thận kém không sinh tinh, thức nhiều thì tổn thân. Do mấy điều đó nên con không có con là đúng rồi.

Thiền sư bảo:

– Phước họa là của mỗi người, không phải ai mang đến cho mình. Trời có cho ai thứ gì là phải cho đúng với phước phần của họ, chứ đâu làm khác được. Nay anh đã thấy được lỗi rồi thì nên gắng tu sửa, từ nay về trước xem như đã chết, từ nay về sau sống lại làm người mới.

Thiền sư Pháp Hội đã giảng nhân quả báo ứng cho Học Hải, khuyên anh ta nên tu nhân tích đức để chuyển đổi số mạng. Theo lời dạy, ngay tại đó Học Hải lay Phật sám hối hết những tội xấu của mình, lại xin được đậu cử nhân, và phát nguyện làm 3000 việc thiện để đền đáp ân đức. Từ đó Học Hải tự cảnh giác suốt ngày, khác hẳn với trước kia thường luông tuồng tùy tiện. Do nỗ lực tu sửa nên năm sau Học Hải đậu cử nhân, nhưng 3000 việc thiện ấy phải mất 10 năm mới làm xong.

Năm 46 tuổi ông cầu xin có con và cũng phát nguyện làm 3000 việc thiện nữa để đền đáp ân đức. Qua năm sau Học Hải có được một con trai đầu lòng, và lần này chỉ mất hai năm đã làm xong 3000 việc thiện. Kế tiếp ông phát nguyện làm 10.000 việc thiện để được thi đậu tiến sĩ. Khi đó ông được bổ nhiệm làm quan huyện, thấy dân khổ nên cho giảm thuế gần một nửa. Việc quan bận rộn, ông và vợ đều lo lắng 10.000 việc thiện biết bao giờ mới làm xong. Đến đêm ông mộng thấy một vị thần bảo: Chỉ mỗi một việc giảm thuế cho dân là đã xong 10.000 việc thiện rồi. *(Vi một lúc giúp cho mấy chục ngàn người.)* Về sau Học Hải có thêm hai con trai, được đậu tiến sĩ làm quan lớn, và sống thọ 74 tuổi mới mất... Như thế lời thầy tướng số bói cho Học Hải hồi trẻ đã không còn ứng nghiệm nữa, từ sau khi ông gặp thiền sư Pháp Hội. Số phận đã được thay đổi kỳ diệu với người biết tu sửa lời nói, việc làm và tư tưởng!

Thầy tướng họ Khổng thấy được các họa phước trong đời này của Học Hải, bằng những thuật toán số dịch lý. Thầy tướng như ông là quá giỏi. Mà thiền sư Pháp Hội lại giỏi hơn nữa, vì đã giảng giải và thuyết phục Học Hải thay đổi số phận. Nhưng giỏi nhất vẫn là Học Hải, người đã thắng được chính mình! Tuy vậy, Học Hải còn làm thiện cầu phước, thật chưa liễu phàm. *(Hàng Phật tử Phật giáo Nam truyền mỗi khi làm phước xong đều chấp tay hồi hướng về quả Niết-bàn cả.)* Chính cuộc đời của Học Hải là bằng chứng thuyết phục về nhân quả báo ứng nhà Phật dạy. Qua đó, ta hiểu được số phận đời này là do mình tạo từ đời trước, thì bây giờ mình có thể sửa đổi, không phải do trời thần nào sắp đặt cho ai. Phật, Thánh, tiên, trời, thần, quỷ, ma, người ta, thú vật, cỏ cây gì đều có chung một thân phận là chúng sanh trong bầu vũ trụ này mà thôi.

3. Nhân quả thiện ác cần nên vượt qua:

Học Nhân quả để làm gì, khi Phật cũng bảo đó là phước hữu lậu, đó là hình bóng, đó là nhà lửa ba cõi...? Đành rằng đối với đa số người thiện còn nặng đời, tức là còn ham sống trong các nhân quả báo ứng, thì Nhân quả là một

giáo lý căn bản để họ biết sống phải, sống đúng. Đành rằng giáo lý Nhân quả đã có tác dụng rất tốt đối với mọi người, trong suốt mấy ngàn năm qua, hơn là các giáo lý tà kiến, cực đoan. Tuy vậy, vẫn phải xác định chỗ chúng ta sẽ đến là Niết-bàn, nơi ấy mọi nhân quả đã tắt, nơi ấy đã ngoài vùng phủ sóng của nhân quả.

Thân hình của đấng Trọn lành hãy còn, đã tách khỏi thế lực dặt tới sự biến thành! Chính các đức Phật đã ra khỏi phạm vi tác động của nhân quả, nhưng các ngài không mất tiêu, mà có thể tùy tâm ứng hiện khắp nơi không ngại. Các ngài sống mãi, chứ không phải Niết-bàn đã khiến các ngài bị tiêu diệt. Kinh xưa nói các ngài đã nhập diệt, ví như ngọn lửa đã tắt, là tạm nói cho mọi người có thể hình dung, chứ không phải lẽ có – không, còn – mất như thường tình.

Học giáo lý Nhân quả là học về cuộc sống tự nhiên xưa nay trong vũ trụ. Những điều đó thật quý và thật cần thiết cho những ai đang sống. Những hiểu biết về Nhân quả sẽ là bản lãnh sống của người văn minh tiên bộ. Bản lãnh sống đó là làm chủ vận mệnh, từ thái độ đến kỹ năng.

Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đó. Nhân quả cần được giác ngộ là Công lý. Mọi bù trừ đắp đổi là để trở lại cân bằng, chứ không có thưởng phạt gì cả.

V. NHẬN THỨC VỀ NHÂN QUẢ:

Học được Nhân quả rồi, người học sẽ có những nhận thức gì?

– Ta đã đến cuộc đời này bởi nhân quả, và theo nhân quả ta lại phải đi qua nhiều đời sống nữa. Có nhiều dạng sống để ta lựa chọn, và có nhiều cách sống để ta vận dụng, cũng như ta có thể nghỉ yên, không ham sống nữa. Ta tin chắc chắn rằng, từ miếng ăn đồ mặc cho đến mọi hưởng dụng khác mà ta có đều là kết quả của những gì ta đã gieo trồng, không bao giờ sai. Vậy thì ta buồn phiền làm chi, khi gặp phải nghèo đói, thất bại, bệnh tật, đổ vỡ, tai nạn, và những chuyện bất như ý. Nào phải ai mang những điều ấy đến cho ta đâu! Lại khi thấy người no ấm, hạnh phúc, khỏe mạnh, xinh đẹp, an ổn, lên xe xuống ngựa, được bao người nể trọng... thì ta cũng chẳng so bì làm gì. Ta phải tu sửa nhân quả của mình, không thể nào khác. Ta phải nghiêm túc thừa nhận và làm chủ lấy vận mệnh của mình. Nhân quả là cuộc sống của ta đấy! Nhưng nếu tốt hơn nữa, thì ta hãy siêu thoát khỏi trói buộc của nhân quả.

Với những nhận thức chủ đạo đó, người học Nhân quả sẽ có những nhận thức như thế này:

1– Học Nhân quả, sẽ nắm được nguyên lý rất quan trọng: Tâm là chánh nhân của mọi quả báo. Gieo tâm ác gặt quả khổ, trồng tâm thiện hái quả phước, do tâm không ác không thiện được quả trong sạch không khổ không vui.

2– Tâm là chánh nhân, phần hiển thị là thân miệng ý, phần cốt lõi là chơn như, không phải là một cái linh hồn nào. Tư tưởng “Tôi suy nghĩ tức là tôi tồn tại” là tư tưởng sai lầm, nông cạn.

3– Cho nên Nhất tâm nghĩa là Ba nghiệp thân miệng ý hiệp một.

4– Nếu ai tự bào chữa: “Tôi tu tâm là đủ rồi, không cần phải đến chùa.”, thì hãy nhớ tâm là gồm cả ba nghiệp đó, chứ đừng nghĩ tâm chỉ là cái ý, là lòng tốt.

5– Biết được số phận là do chính mình tạo, còn quý vô thường thì cũng như công an phường vậy, lo quản lý số mạng người ta; và thần tài thì cũng như giám đốc ngân hàng ở địa phương vậy, chỉ gợi cho ta những gì ta có trong ngân hàng mà thôi. Nếu ta không có phước phần gì thì thờ thần tài chỉ được ngài thương hại chia sẻ cho chút ít của cải...

6– Có trách nhiệm với mình, không than trách, không đổ thừa. Vị ấy không cho rằng: “Ta không thể chọn nơi mình sinh ra.”, không nghĩ rằng: “Ta không thể chọn cha mẹ.”, không đổ thừa: “Tại cha mẹ sinh tôi như vậy!”, không ích kỷ trẻ con với lời nói: “Cha mẹ sinh tôi ra thì phải nuôi chứ nói gì!” v.v...

7– Sống tích cực, vui chịu những điều bất hạnh, khéo léo chuyển hóa quả báo sao cho êm nhẹ, gắng tạo những quả tốt đẹp.

8– Không ỷ lại, không lo hưởng thụ là chính, dù có phước giàu sang, sắc đẹp, sức khỏe, tuổi thọ... Biết rằng cuộc sống vô thường, hãy để phước đó có khi dùng làm chuyện khác.

9– Thương yêu, kính trọng cha mẹ, vợ con, biết rằng quá khứ đã có nhân duyên đặc biệt nên nay mới có sự gắn bó này.

10– Xây dựng gia đình và xã hội cho tốt hơn (*theo nhân quả*), vì đó là những việc đáng làm trong kiếp sống này.

11– Chỉ cho người khác không mê tín vào số phận, thần quyền; không mê đắm vật chất hay tình cảm, tư tưởng; không vui đâu trong khổ đau bất hạnh... Nhất là chỉ cho người đang khổ đau bất hạnh nhận ra được công lý ngay nhân quả báo ứng, tức là đem lại an lạc cho người đang ngập lặn giữa biển khổ sông mê.

12– Hơn hết là xu hướng về giải thoát, mong bước ra khỏi vòng lẩn quẩn của nhân quả bù trừ đắp đổi bất tận. Cũng như leo ra vành bánh xe thì nhào lộn mệt mỏi, mà đứng trong trục bánh xe thật khỏe.

13– Nên có làm được việc tốt nào đều nguyện do nhân đó sẽ được sáu căn trong sạch, được ba nghiệp thanh tịnh, được tịnh độ, được diệt độ, được quả Niết-bàn.

14– Đối với bậc cha mẹ cũng nên làm gương nhân quả cho con.

15– Đối với nhà sư, hơn ai hết phải làm gương nhân quả cho người đời noi theo: sợ tội lỗi, lo tạo nhân tốt, không làm việc ác quấy, khen việc tốt của người, bảo người việc nên làm, và nhất là giải thoát khỏi ảo giác.

V.V...

Đó là những cách sống tốt đẹp, đúng với dòng sông, đúng với con đường tiến hóa. Người hiểu nhân quả là người hiểu chính mình và mọi người, hiểu cả muôn loài vạn vật, nhìn thấu cả vũ trụ.

Nhân quả không đơn giản là một giáo lý của ai đó.

B. CÔNG LÝ VŨ TRỤ:

Vào bài, *Công Lý Vũ Trụ* viết:

“I. Công lý cũng tức là chơn lý, hay lẽ chánh đấng chánh giác trung đạo dung hòa của vũ trụ. Công lý nghĩa là không thêm không bớt, bằng nhau, đạo lý rất công bằng không chênh lệch thiên tư về mặt nào. Thể của công lý là sự, không lượng không biên, không có chấp, vô cực. Tướng của công lý là hình thể của vạn vật các căn. Dụng cụ của công lý là luật pháp giáo lý tương đối tiến hóa. Lý của công lý là tự nhiên vắng lặng bằng phẳng mát mẻ.

II. ... Mỗi quả địa cầu có bốn phần nước, ba phần núi một phần đất, bốn phần gió, bốn phần lửa, không bao giờ hơn kém và sẵn ở nơi nhau. Cũng như chúng sanh, vạn vật và các pháp bao giờ cũng là một, một thể sống, ở trong nhau, không dư thiếu, mà trái lại sự ẩn hiện của nó lại chẳng đồng đều, hoặc đã có, hoặc đang có, hoặc chưa có, tức là cái có đã tự bao giờ, không đầu đuôi chính giữa, nên gọi là thể của chơn như một mực. Cũng như quá khứ, vị lai, và hiện tại vốn không phân biệt, vẫn là trong mỗi lúc đều có đầy đủ cả thảy. Xưa nay có một, động tịnh vốn không hai. Lý sự có đôi dôi, bánh xe lăn xoay có lui tới, có khổ có vui, có sống có chết, có giặc giã có thái bình, nhưng trong này có kia, trong kia có này, từ tinh thân vật chất, thân tâm, ta người, hôm nay và ngày mai, thảy đều có chứa đựng lẫn nhau, cho đến trong mỗi lời nói, mỗi việc làm, mỗi ý niệm, cũng đều có chứa đủ cả các pháp tương đối khác, cho nên gọi là đạo lý công bằng, không bỏ sót điều chi mảy may. Cũng như Niết-bàn, thiên đường, nhơn loại, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, cảnh giới nào cũng có đủ hết, ai cũng vẫn chứa mang những cái kia, tức là một thể sống điều hòa, không cho ta thiên vị sa ngã. Do công lý đó tạo cho tâm hồn ta sự giác ngộ lẽ chơn như, như nhiên, như thường, như vậy, như như, sao cũng được, sao cũng xong, sao là sao, sự bất chấp, công bằng, tha thứ đứng vững, tức là từ bi hỷ xả và bình đẳng vậy.

III. Công lý tức là tự nhiên, dầu thường phạt hay không thường phạt, dầu trị lập hay không trị lập, trong mỗi lúc công lý đều có chứa sẵn cái tương đối để giác ngộ, dạy dỗ chỉ rõ bày, chậm mau gì ai cũng được học. Cho nên chúng sanh gọi là công lý pháp, hay là giáo lý, để đưa người đến nơi toàn giác, là sự biết sáng suốt hết mê lầm, thì mới chịu giải

thoát đứng yên nghỉ mệt, cũng như cây trụ cốt cân, nơi chính giữa thăng bằng đứng sừng. Bởi công lý trùm khắp tất cả nên gọi là cõi đời, dầu lúc nào cũng là Phật quốc tịnh độ, cho người giác ngộ, an dưỡng nghỉ ngơi vắng lặng. Người hiểu công lý rồi thì tâm định, được hưởng quả yên vui, cái ta chắc chắn, không còn rối loạn câu chấp nói làm lo âu nghĩ ngợi... Vì vậy kẻ trí gọi công lý là mặt đất lưu ly pha lê vàng bạc, sạch sẽ bằng phẳng quý báu vô cùng, hay cũng gọi đó là chỗ tâm của chư Phật vậy.

Thấy được công lý là nhờ cặp mắt sáng tương đối của trí huệ, cho nên gọi rằng: Công lý sanh trí huệ, hay trí huệ sanh công lý, khi đã biết gặp rồi thì hết lằm lạp, không còn níu đeo theo cái khổ nghiệp, mới đứng yên phép. (*Pháp là ánh sáng giáo lý giữa trí huệ và công lý, gọi là Pháp bảo của chư Phật, đang vẫn sẵn có trong thế gian.*)

IV. Vậy nên, khi đã giác ngộ rồi thì ta thấy rằng: Phật, trời, người, thần, thú, ma, địa ngục, cỏ cây, đất nước gió lửa, thầy như nhau, bằng nhau, giống nhau không có điều chi phân biệt, trong những sai khác, khác nhau nơi bề ngoài. Và cái ý của chúng ta không bao giờ còn có được. Công lý cũng như hai bàn chân của ta, cũng như hai lỗ mũi, như hai lỗ tai, như cặp mắt, như hai tay, là của cải sự thành công. Do các căn lành ấy để thâm vào một cửa miệng, chứa vào một bao tử đựng nuôi sống cả cơ thể chúng sanh chung. Hay công lý tức là cái nhà trường học, để chứa ở dạy nuôi nhà hiền Thánh vậy. Sức mạnh của công lý như hai vai, như cầu sắt, như mặt đất, như nước bằng, như tàu xe, như hàng rào, như lộ cái, như biển cả núi to, như lửa gió hư không, là một sức mạnh từ nhỏ tới lớn, một sức mạnh khôn lường. Nắm được lấy nó sẽ toàn thắng tất cả mọi phương diện, mà gọi là cái sống của tất cả chúng sanh, không có nó muôn loài chết thảm.

Công lý sanh ra giáo lý, có hai, để đem lại công lý là một, nên gọi rằng: Giáo lý là pháp thế gian tương đối, để đem lại sự giác ngộ là công lý pháp Phật tuyệt đối, tạo cái giác là Phật, cho chúng sanh. Vậy nên gọi cõi đời là cõi Phật, Phật đã thành, Phật đang thành, và Phật sẽ thành, ai ai rồi cũng là giác, biết, Phật cả thầy. Cũng như mặt đất là cõi Phật đã lập, cõi Phật đang lập, và cõi Phật sẽ lập, như vậy tức là cõi Phật tất cả rồi đó. Chỉ có điều là chúng sanh đã giác ngộ nhận ra, hay đang giác ngộ nhận ra, hoặc chưa giác ngộ nhận ra đó thôi. Như kia là thế giới của Phật A-di-đà phương Tây, hay là cõi Phật Dược Sư phương Đông, thật trang nghiêm bình đẳng mát mẻ thanh tịnh vô cùng. Cõi của chúng ta mai kia cũng được như vậy, là do mọi sự cố gắng của công tâm, do nhờ giáo lý tiến hóa của chúng ta thì mới chắc được sự sáng lòa rực rỡ, đâu còn lo gì sự lỏng chỏng không công, mệt nhọc mãi hoài thót ruột.”

(*Trích phần đầu Chơn lý số 10 của Sư trưởng Minh Đăng Quang.*)

Vậy Nhân quả là cân bằng tương đối, Công lý là cân bằng tuyệt đối. Nhân quả là sự, Công lý là lý. Nhân quả là tướng, Công lý là tánh. Nhân quả là thế gian, Công lý là Niết-bàn. Nhân quả là đời, Công lý là đạo. Nhân quả là phần hiển thị, Công lý là phần cốt lõi... **Không thể nào nói các nhà sư dùng A-la-hán đạo hủy diệt hết các nhân để đắc Niết-bàn.** Nói vậy là sai lầm lớn. Bậc chơn tu không bác bỏ nhân quả, vì bác bỏ nhân quả là bác bỏ cuộc sống, mà bác bỏ cuộc sống là bác bỏ tâm thật chính mình. Chính trong *Kinh Viên Giác* đức Phật Thích-ca đã dạy rõ: Hết thấy các việc huyễn hóa của chúng sanh đều từ Diệu tâm Viên giác Như lai sanh ra. Nói thẳng ra, do tâm màu nhiệm đó mà nhân thành quả, mà chúng sanh nói làm tướng gì được nấy!

Như có người học đạo tìm đến tịnh xá hỏi một nhà sư, theo cách trong sách xưa đã ghi chép: “Xin cho hỏi con chó có Phật tánh không?”, bấy giờ nhà sư cũng đáp: “Có.”. Người ấy cũng hỏi tiếp: “Nếu có Phật tánh sao nó lại làm chó?”. Sư đáp: “À, nó ưa vậy!”. Làm chó đâu có mất tánh linh, lúc ấy tánh linh thể hiện qua lỗ mũi rất thính, qua lòng trung thành lớn với chủ v.v...

Xưa thầy Trì Địa ra công bang dọn làm đường phục vụ công ích cho mọi người. Một lần họ Phật Nhiên Đăng dẫn đoàn du Tăng đi ngang chỗ Trì Địa đang làm. Thương kẻ mê lấy khổ công làm sự hành đạo, đức Phật xoa đầu thầy Trì Địa nhắc nhở: “Tâm bình thế giới bình!”. Nghe lời Phật bảo tâm thầy Trì Địa liền thức tỉnh, thấy ra lâu nay mình khổ nhọc vô lý. Từ đó thầy vui vẻ làm đường, không mong cầu, không chờ đợi một quả báo, không bận lòng vì ai khen chê, không gắng sức... nói chung là không gồng mình tu Bồ-tát đạo nữa.

Không phải là cát bụi hư vô, không phải là biển khổ không bờ, cuộc sống vốn có ý nghĩa rất sâu xa và tràn đầy ánh sáng. Chính ánh giác đó làm thành bài viết về Công lý vũ trụ, mà phần trên chúng ta đã tìm hiểu qua hai mục **A** và **B**.

Cuộc sống lúc nào cũng cân bằng tự nhiên. Ai sống trong sự cân bằng đó là y Công lý, y Chánh pháp. Làm sao biết mức nào là cân bằng? – Đã cân bằng thì không có mức. Mọi thứ vốn đang cân bằng, chỉ gượng một cái là bấp bênh hết cân bằng, rơi vào thiện ác của tương đối, có mức này mức kia. Chỉ khởi một ý niệm là đất trời liền chia cắt. Chỉ vừa mở miệng là đáng bị sư ông cho một roi liền...

Con chó ăn phân, dòng nước chảy xuống, bụi bay, nắng chiếu, trẻ con khóc la, cô gái soi gương làm dáng, Rô-nan-đô nhảy mừng sút bóng vô lưới, bác giao thông giơ tay chào bác tài xế, ông chủ chỉ tay ra lệnh, Trịnh Công Sơn ngồi suy nghĩ trong làn khói trắng, nhà sư xếp chân ngồi yên, trái đất vẫn quay v.v... mấy chuyện bấp bênh gọi là nhân quả bù trừ, tương đối.

Gạt qua cái thấy bấp bênh theo phần hiển thị của bóng dáng, nhìn sâu vào trong, thì thế giới vẫn bình. Tâm bình thế giới bình, thấy không bình là do động. Động thì chỉ thấy bấp bênh. Động thì bước vào phạm vi bù trừ tương đối của nhân quả, rồi khóc cười vui khổ triền miên như những kẻ khùng vớ vẩn!

Nếu có kẻ ngu hỏi: “Đang đi ngoài đường bỗng có người đến tát tai mình một cái, không biết cái tát đó là nhân hay là quả?”, thì sẽ là nhân quả khi ta nặng lòng với nó, và chẳng là gì cả khi lòng mình an ổn. Vậy có muốn chuyện đó là nhân quả hay không? Cũng như người trí xem nợ là duyên, do duyên mà Pháp bảo – Công lý được hiển thị, một cuộc sống sinh động, chẳng nghĩ nợ nần lôi thôi gì cả.

Như xưa ở Trung Quốc, thiền sư Hoài Hải lập thiền viện trên núi thu nhận Tăng dạy tham thiền, hàng ngày thầy trò đều cùng lao động. Bấy giờ có một sư hỏi ngài rằng: “Nhà sư cuốc cỏ chặt cây, khai mương đào đất (*khác với hạnh nhà sư*) thì có tội báo chăng?”. Thiền sư Hoài Hải đáp: “Không nhất định là có tội, cũng không nhất định là không tội, phải tùy người. Nếu người còn chấp mắc có không, thiện ác... thì nhất định có tội. Còn người tâm như hư không, cũng không có tướng hư không, thì nhất định không tội.”. Vậy trong cuộc sống làm người hàng ngày đây, sẽ đứng trong nhân quả hay sẽ siêu thoát nhân quả là do ta chọn lấy.

Như nói: “Kẻ trí hiện nay thẳng đó liền hết sạch, chóng dứt muôn duyên, vượt khỏi dòng sanh tử, ra ngoài tánh cách tầm thường.”, thì nói thế chính là khuyên người ra khỏi phạm vi của nhân quả. Vậy bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả chăng? Câu hỏi cổ xưa này không khó để nhận ra rằng: Hễ còn thấy mình là bậc đại tu hành thì còn chưa ra ngoài tánh cách tầm thường. Nếu thật siêu thoát, thật ra khỏi bến mê, thì ắt đã biết bến mê, đâu còn nặng lòng nhân với chả quả... Cũng như trong bài *Sợ Tội Lỗi* đã nói: Trời là lớn chứ sao, còn Phật thì không lớn không nhỏ! (*Hay Pháp sư Từ Thông có lần nói trước các Tăng sinh ở Vĩnh Nghiêm: “Hòa thượng Nhất Hạnh giỏi hơn tôi nhiều lắm.”*) Ai còn thấy mình là cao (*là Đại thừa, là Tối thượng thừa*) thì người ấy còn chưa ra khỏi phạm vi của nhân quả. Kìa cái tự nhiên không thể gọi là lớn hay nhỏ, cao hay thấp, nhưng lại là tất cả đấy!

Như có nhà sư sau khi ngộ đạo đã phát nguyện trả hết nợ trong đời này, thì việc đó có phần chưa ổn. Bởi vì, nhà sư đó còn thấy nợ là thật, còn nặng lòng với nhân quả, thì chưa thật siêu thoát.

Trong bài *Giác Ngộ*, Sư trưởng Minh Đăng Quang đã dạy:

“Một nhà sư xuất gia giải thoát làm khất sĩ du Tăng, thường tu tập công lý, lia xa tương đối, bỏ dứt nhơn quả, không còn quả báo, như ngọn đèn tắt nghỉ im lặng. Nhiều năm nhiều đời đã quen, nhà sư ấy không còn có sự phản giác, cũng không còn trừu tượng, không còn ý niệm, trong tâm bằng phẳng của im lặng, tam nghiệp đã định, thì trước mắt trí huệ của người, dầu ở đâu, dầu lúc nào, dầu bao lâu, mãi mãi chỉ là một cảnh giới bằng phẳng trong sạch yên lặng sáng rõ. Trong ấy thỉnh thoảng có chứa một lòng từ bi thương xót tế độ chúng sanh hiện ra, để thâm dạy người ngoài, thật là một cảnh giới đứng ngừng, cả thầy đứng ngừng, vạn vật như đã đứng ngừng, không có nắng mưa gió bụi chi cả trong tâm, thật là một cõi tuyệt đối, vững chắc mãi mãi, tức là gương cảnh Tây phương Niết-bàn vậy. Nơi đó không còn thấy có cái sống của tứ đại sắc thân, không còn có trí não, mà là chỉ còn có cái tâm chơn như thôi. Đó là kết

quả của công phu tu tập, là chỗ đến của con đường thứ hai bên trần thế. Bên trần thế là con đường ác khổ và chết thất bại, còn bên cảnh Tây phương Cực lạc Niết-bàn là không ác không khổ, và không chết không còn thất bại ấy nữa.”

Đọc đoạn văn trên của Tổ sư, chúng ta nên ghi nhớ nằm lòng: **Thường tu tập công lý, lia xa tương đối, bỏ dứt nhân quả, vạn vật như đã đứng ngừng, thật là một cõi tuyệt đối.** Ấy vậy, người trí học Nhân quả để vượt qua Nhân quả, hàng Phật tử học Nhân quả để đến với Công lý, như thế mới là khéo học, mới đúng ý Phật dạy Nhân quả.

Chơn lý của Nhân quả là Công lý vũ trụ. Nhân quả là pháp thế gian, Công lý vũ trụ là pháp Niết-bàn, mà thành ra hai pháp là do hai góc nhìn, tương đối và tuyệt đối. Đừng bao giờ nói Niết-bàn của Phật dạy là một phạm vi nhân quả, vì nói thế là phỉ báng Pháp, tội rất nặng!
